**BẢNG THUYẾT MINH DỰ THẢO LUẬT PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN (SỬA ĐỔI)**

| **Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012** | **Dự thảo   Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi)** | **Thuyết minh lý do sửa đổi** |
| --- | --- | --- |
| **Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** | | |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Luật này quy định về các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi rửa tiền; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống rửa tiền; hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Luật này quy định về các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi rửa tiền; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống rửa tiền; hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền. |  |
| 2. Việc phòng, chống hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố được thực hiện theo quy định của Luật này, quy định của Bộ luật hình sự và pháp luật về phòng, chống khủng bố. | 2. Việc phòng, chống hành vi rửa tiền của các tổ chức, cá nhân có mục đích tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật hình sự và pháp luật về phòng, chống khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. | * Sửa khoản 2:   + Quy định pháp luật hiện hành về phòng, chống khủng bố (Luật Phòng, chống khủng bố) và pháp luật về phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (Nghị định 81/2019/NĐ-CP) đều quy định các biện pháp phòng chống khủng bố, phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo các quy định dẫn chiếu đến các điều khoản của Luật PCRT năm 2012 quy định về các biện pháp phòng ngừa rửa tiền của đối tượng báo cáo. Khoản 2 Điều 1 này kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật PCRT năm 2012 và chỉnh sửa lại từ ngữ làm rõ hơn nội hàm quy định, bổ sung thêm cụm từ “tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt” để tiếp tục điều chỉnh các quy định được dẫn chiếu của pháp luật về chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.  + Thay cụm từ “Bộ luật hình sự” thành “pháp luật hình sự” để đảm bảo bao quát cả Bộ luật hình sự, Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán và các văn bản hướng dẫn khác (nếu có). |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức tài chính.  2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức tài chính.  2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính. | - Bỏ cụm từ “có liên quan” do các ngành nghề có liên quan thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này đã được quy định tại khoản 2 Điều 4 về Đối tượng báo cáo. |
| 3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; người nước ngoài sinh sống tại Việt Nam hoặc tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có giao dịch tài chính, giao dịch tài sản khác với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. | 3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức nước ngoài, người nước ngoài, tổ chức quốc tế có các giao dịch với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. | - Khoản 3: Bỏ cụm từ “sinh sống tại Việt Nam” để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật, đồng thời nội dung này đã được quy định tại NĐ 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền 2012; bỏ cụm từ “tổ chức phi Chính phủ” do các đối tượng tại khoản 3 dự thảo đã bao gồm đối tượng tổ chức phi Chính phủ. |
| 4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến phòng, chống rửa tiền. | 4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến phòng, chống rửa tiền. | - Khoản 4: Bổ sung “cơ quan” cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật này. |
| **Điều 3. Áp dụng Luật phòng, chống rửa tiền, các luật có liên quan và điều ước quốc tế**  Việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi rửa tiền được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. | Bỏ điều này | Bỏ Điều này vì nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế đã được quy định tại Điều 6 Luật Điều ước quốc tế 2016. |
| **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: |  |
|  |  |  |
| 1. *Rửa tiền* là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có, bao gồm: | 1. *Rửa tiền* là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có, bao gồm: | - Khoản 1: Chỉnh sửa từ ngữ, bổ sung cụm từ “hành vi” để đảm bảo rõ các hành vi được coi là rửa tiền. |
| 1. Hành vi đưi được coi là rửa tiềnnhằm hợp phá   b) Trợ giúp cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến tội phạm nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý bằng việc hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có; | a) Hành vi được quy định trong Bộ luật Hình sự;  b) Hành vi trợ giúp cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến tội phạm nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý bằng việc hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có; |
| c) Chiếm hữu tài sản nếu tại thời điểm nhận tài sản đã biết rõ tài sản đó do phạm tội mà có, nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản. | c) Hành vi chiếm hữu tài sản nếu tại thời điểm nhận tài sản mà biết hay có cơ sở để biết tài sản đó do phạm tội mà có nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản. | + Sửa điểm c: thay cụm từ “đã biết rõ” bằng cụm từ “mà biết hay có cơ sở để biết” do việc xác định “đã biết rõ” gặp khó khăn trên thực tế triển khai. |
|  | 2. *Tài sản do phạm tội mà có* là tài sản có được trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoạt động phạm tội; phần thu nhập, lợi nhuận sinh ra từ tài sản có được từ hoạt động phạm tội. | - Khoản 2: bổ sung khái niệm *Tài sản do phạm tội mà có* để làm rõ hơn nội hàm khái niệm *Rửa tiền* ở khoản 1. |
| 2. *Tài sản* bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự, có thể tồn tại dưới hình thức vật chất hoặc phi vật chất; động sản hoặc bất động sản; hữu hình hoặc vô hình; các chứng từ hoặc công cụ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó. | 3. *Tài sản*  là vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự, có thể tồn tại dưới hình thức vật chất hoặc phi vật chất; động sản hoặc bất động sản; hữu hình hoặc vô hình; các chứng từ hoặc công cụ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó. | - Thay cụm từ “bao gồm” thành “là” để phù hợp với pháp luật dân sự. |
| 3. *Tổ chức tài chính* là tổ chức được cấp giấy phép thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây:  a) Nhận tiền gửi;  b) Cho vay;  c) Cho thuê tài chính;  d) Dịch vụ thanh toán;  đ) Phát hành công cụ chuyển nhượng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, lệnh chuyển tiền, tiền điện tử;  e) Bảo lãnh ngân hàng và cam kết tài chính;  g) Cung ứng dịch vụ ngoại hối, các công cụ tiền tệ trên thị trường tiền tệ;  h) Tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phân phối chứng khoán;  i) Quản lý danh mục vốn đầu tư;  k) Quản lý tiền mặt hoặc chứng khoán cho tổ chức, cá nhân khác;  l) Cung ứng dịch vụ bảo hiểm; hoạt động đầu tư có liên quan đến bảo hiểm nhân thọ;  m) Đổi tiền. |  | - Kết cấu lại quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Luật PCRT 2012 không phù hợp với tên điều – Giải thích từ ngữ, thành quy định tại Điều 4 của dự thảo Luật về Đối tượng báo cáo cho phù hợp. |
| 4. *Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan* là tổ chức, cá nhân thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây:  a) Kinh doanh trò chơi có thưởng, casino;  b) Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản; sàn giao dịch bất động sản;  c) Kinh doanh kim loại quý và đá quý;  d) Cung ứng dịch vụ công chứng, kế toán; dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư;  đ) Dịch vụ ủy thác đầu tư; dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký giám đốc của doanh nghiệp cho bên thứ ba. |  | - Kết cấu lại quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Luật PCRT 2012 không phù hợp với tên điều – Giải thích từ ngữ, thành quy định tại Điều 4 của dự thảo Luật về Đối tượng báo cáo cho phù hợp. |
| 5. *Đối tượng báo cáo* là tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. | Bỏ khái niệm này | - Chuyển nội dung này về đối tượng báo cáo tại Điều 4 của dự thảo Luật. |
| 6. *Giao dịch đáng ngờ* là giao dịch có dấu hiệu bất thường hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch có nguồn gốc từ hoạt động tội phạm hoặc liên quan tới rửa tiền. | Bỏ khái niệm này | - Bỏ khoản này do nội dung giao dịch đáng ngờ đã được quy định chi tiết tại Điều 26. Báo cáo giao dịch đáng ngờ. |
| 7. *Giao dịch có giá trị lớn* là giao dịch bằng tiền mặt, bằng vàng hoặc ngoại tệ tiền mặt có tổng giá trị bằng hoặc vượt mức do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định, được thực hiện một hoặc nhiều lần trong một ngày. | 4. *Giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo* là giao dịch bằng tiền mặt, bằng vàng hoặc ngoại tệ tiền mặt được thực hiện một hoặc nhiều lần trong một ngày, có tổng giá trị bằng hoặc vượt mức do Thủ tướng Chính phủ quy định. | - Khoản 4: Chỉnh sửa cụm từ “giao dịch có giá trị lớn” thành “giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo” đảm bảo rõ ràng, phân biệt với các quy định tại các điều khoản khác trong luật có đề cập tới các giao dịch có giá trị lớn khác như giao dịch có giá trị lớn bất thường mà đối tượng báo cáo phải thực hiện giám sát quy định tại Điều 20 dự thảo Luật. Đồng thời để thực hiện quy định tại Điều 25 về Báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo. |
| 8. *Khách hàng* là tổ chức, cá nhân đang sử dụng hoặc có ý định sử dụng dịch vụ hoặc sản phẩm do tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan cung cấp.  11. *Người khởi tạo* là chủ tài khoản hoặc người yêu cầu tổ chức tài chính thực hiện chuyển tiền điện tử trong trường hợp không có tài khoản. | 5. *Người khởi tạo* là chủ tài khoản hoặc người yêu cầu tổ chức tài chính thực hiện chuyển tiền điện tử trong trường hợp không qua tài khoản.  6. *Chuyển tiền điện tử* là bất kỳ giao dịch nào được thực hiện theo yêu cầu của người khởi tạo thông qua tổ chức tài chính bằng phương tiện điện tử nhằm chuyển một số tiền nhất định cho người thụ hưởng tại tổ chức tài chính của người thụ hưởng. Người thụ hưởng có thể là người khởi tạo.  7. *Khách hàng* là tổ chức, cá nhân đang sử dụng hoặc có ý định sử dụng dịch vụ hoặc sản phẩm do tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính cung cấp. | * Khoản 5: đưa giải thích từ ngữ về người khởi tạo tại khoản 11 Luật PCRT năm 2012 lên khoản 5 của dự thảo Luật để đảm bảo sự thống nhất với nội dung mới được bổ sung tại khoản 6 của dự thảo Luật. * Khoản 6: bổ sung định nghĩa về “Chuyển tiền điện tử” để thống nhất về cách hiểu và áp dụng pháp luật trên thực tế. |
| 9. *Chủ sở hữu hưởng lợi* là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế một tài khoản, có quyền chi phối khi khách hàng thực hiện giao dịch cho cá nhân này hoặc cá nhân có quyền chi phối một pháp nhân hoặc một thỏa thuận ủy thác đầu tư. | 8. *Chủ sở hữu hưởng lợi* là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế một hoặc một số tài sản, có quyền chi phối khách hàng thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản cho cá nhân này; là cá nhân có quyền chi phối một pháp nhân hoặc một thỏa thuận pháp lý. | - Khoản 8: chỉnh sửa để đảm bảo rõ ràng nội hàm khái niệm “Chủ sở hữu hưởng lợi”, thay cụm từ “thỏa thuận ủy thác đầu tư” bằng cụm từ “thỏa thuận pháp lý” để thống nhất quy định tại khoản 13 Điều này. |
| 10. *Quan hệ ngân hàng đại lý* là hoạt động cung cấp dịch vụ ngân hàng, thanh toán và các dịch vụ khác của một ngân hàng tại một quốc gia, vùng lãnh thổ cho một ngân hàng đối tác tại một quốc gia, vùng lãnh thổ khác. | 9. *Quan hệ ngân hàng đại lý* là quan hệ được hình thành từ việc một ngân hàng tại một quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp dịch vụ ngân hàng, thanh toán và các dịch vụ khác cho một ngân hàng đối tác tại một quốc gia, vùng lãnh thổ khác. | - Khoản 9: chỉnh sửa để đảm bảo rõ ràng nội hàm khái niệm “Quan hệ ngân hàng đại lý”. |
| 12. *Danh sách đen* là danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan tới khủng bố và tài trợ khủng bố do Bộ Công an chủ trì lập theo quy định của pháp luật | 10. *Danh sách đen* là danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan tới khủng bố, tài trợ khủng bố do Bộ Công an chủ trì lập và danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định có liên quan đến phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do Bộ Quốc phòng chủ trì lập theo quy định của pháp luật. | - Khoản 10: bổ sung cụm từ “danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định có liên quan đến phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do Bộ Quốc phòng chủ trì lập” để phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. |
| 13. *Danh sách cảnh báo* là danh sách tổ chức, cá nhân do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lập nhằm cảnh báo tổ chức, cá nhân có rủi ro cao về rửa tiền. | 11. *Danh sách cảnh báo* là danh sách tổ chức, cá nhân do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lập nhằm cảnh báo tổ chức, cá nhân có rủi ro cao về rửa tiền. |  |
| 14. *Hoạt động kinh doanh qua giới thiệu* là hoạt động kinh doanh với khách hàng thông qua sự giới thiệu của bên trung gian là một tổ chức tài chính khác trong cùng tập đoàn hoặc tổng công ty hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ môi giới. | Bỏ nội dung này. | - Dự thảo Luật bỏ khoản 14 Điều 4 Luật PCRT 2012 do đã thay đổi nội dung “Hoạt động kinh doanh qua giới thiệu” thành hoạt động “Nhận biết, xác minh thông tin khách hàng thông qua bên thứ ba” và được quy định tại Điều 14 của dự thảo Luật. |
| 15. *Lực lượng đặc nhiệm tài chính* là tổ chức liên chính phủ, ban hành các chuẩn mực và thúc đẩy việc thực thi có hiệu quả các biện pháp pháp lý, quản lý và hành động nhằm chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và những hiểm họa có liên quan khác đe dọa sự toàn vẹn của hệ thống tài chính toàn cầu. | 12. *Lực lượng đặc nhiệm tài chính* là tổ chức liên chính phủ, ban hành các chuẩn mực, thúc đẩy việc thực thi có hiệu quả các biện pháp pháp lý, quản lý và hành động nhằm chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và những hiểm họa có liên quan khác đe dọa sự toàn vẹn của hệ thống tài chính toàn cầu. |  |
| 16. *Thỏa thuận ủy quyền* là thỏa thuận của tổ chức, cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện các giao dịch liên quan đến tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của tổ chức, cá nhân ủy quyền. | 13. *Thoả thuận pháp lý* là thỏa thuận dưới hình thức ủy thác hoặc hình thức khác có bản chất tương tự được xác lập theo luật pháp nước ngoài, cho phép bên nhận ủy thác được nhận chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ người ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì một mục đích được xác định trong thỏa thuận. | * Khoản 13: Sửa đổi nội hàm khái niệm và tên gọi “Thỏa thuận ủy quyền” thành “Thỏa thuận pháp lý” để phù hợp với quy định tại Khuyến nghị số 25 của FATF về “Minh bạch thông tin về thỏa thuận pháp lý”, phù hợp với quy định tại Điều 2 công ước Hague về Ủy thác. Việc sửa đổi nội hàm khái niệm này cũng nhằm phân biệt với một số khái niệm quy định tại Bộ luật dân sự, Luật Chứng khoán như “ủy thác đầu tư”… |
|  |  |  |
|  | 14. *Ngân hàng vỏ bọc* là ngân hàng không có sự hiện diện thực tế tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà tại đó ngân hàng phải được thành lập và cấp phép, đồng thời không có sự liên kết hoặc kiểm soát của bất kỳ định chế tài chính nào đã được quản lý và giám sát. | - Khoản 14: bổ sung định nghĩa về ngân hàng vỏ bọc. Lý do:  Khoản 3 Điều 7 Luật PCRT 2012 về Hành vi bị cấm quy định cấm đối với việc: “3. Thiết lập và duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng được thành lập tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhưng không có sự hiện diện hữu hình tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó và không chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền.”. Nội dung quy định này chính là nội hàm của khái niệm “Ngân hàng vỏ bọc” theo định nghĩa của FATF. Do vậy, nội hàm quy định này được đưa lên phần giải thích từ ngữ về “ngân hàng vỏ bọc” để phù hợp với kỹ thuật soạn thảo các điều khoản của Luật. |
|  | 15. *Tổ chức phi lợi nhuận* là tổ chức hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bao gồm: hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức tôn giáo, tổ chức phi chính phủ nước ngoài được thành lập, đăng ký, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. | - Khoản 15: bổ sung định nghĩa về tổ chức phi lợi nhuận, nội dung này đã được quy định tại Nghị định 116/2013/NĐ-CP, đồng thời, bổ sung thêm hai đối tượng mới là “hội” và “tổ chức tôn giáo” vì đây là các tổ chức có các hoạt động viện trợ, nhận viện trợ và có thể tiềm ẩn các rủi ro rửa tiền. Việc bổ sung này cũng phù hợp, tương thích với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động của các loại hình tổ chức phi lợi nhuận. |
| **Điều 4. Giải thích từ ngữ** | **Điều 4. Đối tượng báo cáo** |  |
| 3. Tổ chức tài chính là tổ chức được cấp giấy phép thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây: | 1. Đối tượng báo cáo là tổ chức tài chính được cấp giấy phép thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây: |  |
| a) Nhận tiền gửi;  b) Cho vay; | a) Nhận tiền gửi;  b) Cho vay; |  |
| c) Cho thuê tài chính; | c) Cho thuê tài chính; |  |
| d) Dịch vụ thanh toán; | d) Dịch vụ thanh toán; |  |
|  | đ) Dịch vụ trung gian thanh toán; | - Điểm đ: bổ sung loại hình hoạt động “dịch vụ trung gian thanh toán” nhằm điều chỉnh các đối tượng là các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Các tổ chức này cung ứng các dịch vụ tài chính có tiềm ẩn rủi ro về rửa tiền như dịch vụ ví điện tử, dịch vụ thu hộ, chi hộ. Việc bổ sung quy định này cũng phù hợp với khuyến nghị của FATF khi định nghĩa về tổ chức tài chính là đối tượng phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa rửa tiền bao gồm các tổ chức có hoạt động cung cấp dịch vụ chuyển tiền và giá trị (MVTS). Tại báo cáo đánh giá đa phương của APG, tiêu chí 14.1 chỉ rõ: “Tại Việt Nam, các tổ chức cung cấp MVTS là (i) tổ chức tín dụng, (ii) tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán và (iii) đại lý thu đổi ngoại tệ”.  Đồng thời, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán là đối tượng phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa rửa tiền cũng đã được quy định tại Nghị định 87/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền. |
| đ) Phát hành công cụ chuyển nhượng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, lệnh chuyển tiền, tiền điện tử; | e) Phát hành công cụ chuyển nhượng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, lệnh chuyển tiền, tiền điện tử; |  |
| e) Bảo lãnh ngân hàng và cam kết tài chính; | g) Bảo lãnh ngân hàng và cam kết tài chính; |  |
| g) Cung ứng dịch vụ ngoại hối, các công cụ tiền tệ trên thị trường tiền tệ; | h) Cung ứng dịch vụ ngoại hối, các công cụ tiền tệ trên thị trường tiền tệ; |  |
| h) Tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phân phối chứng khoán;  i) Quản lý danh mục vốn đầu tư;  k) Quản lý tiền mặt hoặc chứng khoán cho tổ chức, cá nhân khác; | i) Môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán;  k) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; | - Sửa đổi điểm h, i, k khoản 3 Điều 4 Luật PCRT 2012 thành điểm i, k khoản 1 Điều 4 tại dự thảo Luật và sửa đổi từ ngữ quy định tại các điểm này để thống nhất với quy định tại Luật Chứng khoán 2019. |
| l) Cung ứng dịch vụ bảo hiểm; hoạt động đầu tư có liên quan đến bảo hiểm nhân thọ; | l) Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ; | * Sửa đổi điểm l khoản 3 Điều 4 Luật PCRT 2012 thành “Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ”, bỏ cụm từ “hoạt động đầu tư có liên quan đến bảo hiểm nhân thọ”.   Theo pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm nhân thọ bao gồm: Bảo hiểm trọn đời; Bảo hiểm sinh kỳ; Bảo hiểm tử kỳ; Bảo hiểm hỗn hợp; Bảo hiểm trả tiền định kỳ; Bảo hiểm liên kết đầu tư; Bảo hiểm hưu trí. Theo các quy định này, hoạt động đầu tư có liên quan đến bảo hiểm nhân thọ là một loại hình hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. Do vậy, không cần thiết phải quy định riêng về hoạt động này tại dự thảo Luật. Bên cạnh đó, chỉ có hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ có sự tích lũy về tài sản, do đó có thể phát sinh rủi ro về rửa tiền và cần được quy định là đối tượng báo cáo tại Luật.  Đồng thời, quy định này phù hợp với chuẩn mực quốc tế về điều chỉnh hoạt động của các tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ là hoạt động tài chính thuộc đối tượng phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa theo quy định của FATF, nguyên tắc bảo hiểm (ICP 22) của Hiệp hội quốc tế của các nhà quản lý bảo hiểm (IAIS) mà Việt Nam là thành viên. |
| m) Đổi tiền. | m) Đổi tiền. |  |
| 4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan là tổ chức, cá nhân thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây: | 2. Đối tượng báo cáo là tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính theo quy định của pháp luật thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây: | - Khoản 2: bổ sung cụm từ “theo quy định của pháp luật” để làm rõ đối tượng điều chỉnh là các tổ chức kinh doanh ngành nghề phi tài chính thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. |
| a) Kinh doanh trò chơi có thưởng, casino; | a) Kinh doanh trò chơi có thưởng bao gồm: trò chơi điện tử có thưởng; trò chơi trên mạng viễn thông, mạng internet; casino; xổ số; đặt cược; | + Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 4 Luật PCRT 2012, theo đó làm rõ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng, bao gồm: trò chơi điện tử có thưởng; trò chơi trên mạng viễn thông, mạng internet; casino; xổ số; đặt cược, quy định này phù hợp với quy định tại Phụ lục IV Luật Đầu tư quy định các hoạt động kinh doanh có điều kiện liên quan đến “trò chơi” và Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 về kinh doanh casino. |
| b) Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản; sàn giao dịch bất động sản; | b) Kinh doanh bất động sản, trừ việc cho thuê, cho thuê lại bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản; | + Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 4 Luật PCRT 2012 thành: “Kinh doanh bất động sản trừ việc cho thuê, cho thuê lại bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản” đề phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản 2014. |
| c) Kinh doanh kim loại quý và đá quý; | c) Kinh doanh kim loại quý và đá quý; |  |
| d) Cung ứng dịch vụ công chứng, kế toán; dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; | d) Cung cấp dịch vụ công chứng, kế toán; cung cấp dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; | + Điểm d: chỉnh sửa cụm từ “cung ứng” thành “cung cấp” phù hợp với Luật công chứng. |
| đ) Dịch vụ ủy thác đầu tư; dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký giám đốc của doanh nghiệp cho bên thứ ba. | đ) Cung cấp dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ giám đốc, thư ký công ty cho bên thứ ba; cung cấp dịch vụ thỏa thuận pháp lý. | + Điểm đ: Sửa đổi cụm từ “Dịch vụ ủy thác đầu tư” thành “cung cấp dịch vụ thỏa thuận pháp lý” để phù hợp với nội hàm khái niệm tại Công ước Hague và nội dung khuyến nghị số 25 của FATF. |
|  | 3. Chính phủ quy định các hoạt động mới phát sinh có rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, sau khi được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. | - Khoản 3: bổ sung quy định giao Chính phủ quy định các hoạt động mới phát sinh có rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo ngoài các hoạt động đã được quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 dự thảo Luật để phù hợp với tình hình phát triển của nền kinh tế và yêu cầu của quản lý nhà nước đối với các hoạt động mới phát sinh chưa được quy định tại Luật PCRT. |
| **Điều 5. Nguyên tắc về phòng, chống rửa tiền**  1. Việc phòng, chống rửa tiền phải thực hiện theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia; bảo đảm hoạt động bình thường về kinh tế, đầu tư; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; chống lạm quyền, lợi dụng việc phòng, chống rửa tiền để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.  2. Các biện pháp phòng, chống rửa tiền phải được thực hiện đồng bộ, kịp thời; các hành vi rửa tiền phải được xử lý nghiêm minh. | **Điều 5. Nguyên tắc trong phòng, chống rửa tiền**  1. Việc phòng, chống rửa tiền phải thực hiện theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo đảm chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia; bảo đảm hoạt động bình thường về kinh tế, đầu tư; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; chống lạm quyền, lợi dụng việc phòng, chống rửa tiền để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.  2. Các biện pháp phòng, chống rửa tiền phải được thực hiện đồng bộ, kịp thời; các hành vi rửa tiền phải được xử lý nghiêm minh. | - Khoản 1: bổ sung cụm từ “bảo đảm chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ” phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. |
| **Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống rửa tiền**  1. Phòng, chống rửa tiền là trách nhiệm của Nhà nước và các cơ quan nhà nước. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia, hợp tác, tài trợ cho hoạt động phòng, chống rửa tiền.  2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống rửa tiền.  3. Ban hành chính sách thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền.  4. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống rửa tiền được Nhà nước khen thưởng. | Bỏ Điều này. | Bỏ quy định tại Điều này do:  - Khoản 1: trách nhiệm phòng, chống rửa tiền không chỉ của Nhà nước và cơ quan nhà nước mà là trách nhiệm của Nhà nước và toàn dân.  - Khoản 2: Bảo vệ quyền và lợi ích của tổ chức và cá nhân trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội được quy định tại Hiến pháp.  - Khoản 3: Hợp tác quốc tế đã được quy định tại Điều 6 dự thảo Luật.  - Khoản 4 đã được quy định tại pháp luật về thi đua, khen thưởng. |
| **Chương IV. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền**  **Điều 46, 47, 48** | **Điều 6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền** | Kết cấu lại nội dung Điều 46, 47, 48 Chương IV Luật PCRT 2012 vào Điều 6 Chương I của dự thảo Luật.  Đồng thời, bổ sung vào Điều 6 mới tại dự thảo Luật các quy định về nội dung hợp tác quốc tế, các trường hợp bị từ chối, quy trình, thủ tục, phương thức hợp tác quốc tế … để phù hợp với Khuyến nghị 40 của FATF về Các hình thức hợp tác quốc tế khác cũng như để khắc phục các thiếu hụt đã được chỉ ra tại báo cáo của APG. Cụ thể: |
|  | 1. Hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, các bên cùng có lợi, tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế giữa bên ký kết Việt Nam với bên ký kết nước ngoài. | - Khoản 1: nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật PCRT 2012. |
|  | Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, việc trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin trong hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền được thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái với pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế. | - Bổ sung do: Hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền không chỉ được thực hiện khi Việt Nam là thành viên của các điều ước quốc tế hoặc ký kết thỏa thuận quốc tế với bên ký kết nước ngoài mà còn trên cơ sở có đi có lại.  Việc bổ sung quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu Khuyến nghị số 40 của FATF, đồng thời nguyên tắc hợp tác có đi có lại cũng được quy định trong nhiều văn bản pháp luật điều chỉnh các quan hệ trong lĩnh vực tư pháp quốc tế của Việt Nam như: Điều 4 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007; Điều 465 Bộ luật Tố tụng dân sự (TTDS) 2015. |
|  | 2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền với các nội dung như sau:  a) Việc xác định, phong tỏa tài sản của người phạm tội rửa tiền;  b) Thực hiện tương trợ tư pháp;  c) Trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài liên quan đến phòng, chống rửa tiền;  d) Việc nghiên cứu, đào tạo, hỗ trợ thông tin, hỗ trợ kỹ thuật, trợ giúp tài chính và trao đổi kinh nghiệm về phòng, chống rửa tiền;  đ) Các nội dung hợp tác khác về phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật.  3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền có thể từ chối trao đổi, cung cấp, chuyển giao, thông tin về phòng, chống rửa tiền trong các trường hợp sau:  a) Thông tin được yêu cầu trao đổi, cung cấp, chuyển giao có thể gây tổn hại đến độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia hoặc lợi ích quan trọng khác của Việt Nam;  b) Thông tin được yêu cầu trao đổi, cung cấp, chuyển giao không phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế giữa bên ký kết Việt Nam với bên ký kết nước ngoài và các quy định khác của pháp luật Việt Nam;  c) Yêu cầu trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin không có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật;  d) Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài không cam kết hoặc không thực hiện bảo mật thông tin được cung cấp, chuyển giao theo chế độ bảo mật tương ứng với quy định về bảo vệ bí mật nhà nước của Việt Nam đối với thông tin mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong nước cung cấp, chuyển giao. | - Khoản 2, 3: Sửa đổi, bổ sung quy định Điều 47, khoản 2 Điều 48 Luật PCRT 2012 theo hướng cụ thể hơn các nội dung hợp tác quốc tế và các trường hợp từ chối theo yêu cầu Khuyến nghị 38, 39, 40 của FATF về Hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền và báo cáo đánh giá đa phương của APG đối với Việt Nam. Các nội dung này cũng đã được quy định tại Nghị định 116/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật PCRT năm 2012. |
|  | 4. Quy trình, thủ tục, phương thức liên quan đến hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế giữa bên ký kết Việt Nam với bên ký kết nước ngoài, các quy định khác của pháp luật có liên quan. | - Khoản 4: nội dung này được kế thừa quy định tại khoản 5 Điều 47 Luật PCRT 2012. |
|  | 5. Hằng năm hoặc khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong nước cập nhật nội dung hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền với các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | - Khoản 5: chỉnh sửa quy định tại khoản 4 Điều 48 Luật PCRT 2012: bổ sung quy định “Hằng năm hoặc khi có yêu cầu” để làm rõ hơn nội hàm của quy định. |
| **Điều luật mới.** | **Điều 7. Đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền**  1. Định kỳ 05 năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền tại Việt Nam và trình Chính phủ phê duyệt kết quả đánh giá, kế hoạch thực hiện sau đánh giá. Việc đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền được thực hiện đối với cả hoạt động mới phát sinh có rủi ro về rửa tiền.  2. Các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:  a) Phổ biến kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền trong nội bộ của bộ, ngành mình và đến các đối tượng báo cáo thuộc phạm vi quản lý, đồng thời có biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro đã xác định;  b) Thực hiện cập nhật rủi ro quốc gia về rửa tiền theo kế hoạch thực hiện sau đánh giá hoặc khi có các rủi ro phát sinh thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trên cơ sở kết quả cập nhật rủi ro của các bộ, ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp trình Chính phủ phê duyệt kết quả cập nhật rủi ro quốc gia về rửa tiền, kế hoạch thực hiện sau cập nhật.  3. Chính phủ quy định về tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền. | Bổ sung điều mới về “Đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền” nhằm quy phạm hóa trách nhiệm của các cơ quan của Việt Nam trong việc thực hiện nhiệm vụ đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền. Đây được coi là một trong những trụ cột nền tảng của công tác PCRT theo Khuyến nghị số 1 - Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro của FATF và báo cáo của APG. Đây cũng là cơ sở pháp lý để Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro định kỳ mà trên thực tế Việt Nam đã và đang thực hiện theo cam kết quốc tế.  Bổ sung quy định các tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền do Chính phủ hướng dẫn. |
| **Điều 7. Các hành vi bị cấm**  1. Tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện thực hiện hành vi rửa tiền. | **Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm**  1. Tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện, trợ giúp thực hiện hành vi rửa tiền. | * Sửa đổi tên Điều để đảm bảo rõ ràng nội dung quy định. * Khoản 1: bổ sung cụm từ “trợ giúp” phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3. Giải thích từ ngữ của dự thảo Luật. |
| 2. Thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh hoặc tài khoản sử dụng tên giả. | 2. Thiết lập, duy trì tài khoản vô danh hoặc tài khoản sử dụng tên giả. |  |
| 3. Thiết lập và duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng được thành lập tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhưng không có sự hiện diện hữu hình tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó và không chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền. | 3. Thiết lập, duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng vỏ bọc. | * Khoản 3: sửa đổi do định nghĩa ngân hàng vỏ bọc đã được chuyển lên khoản 14 Điều 3. Giải thích từ ngữ của dự thảo Luật. |
| 4. Cung cấp trái phép dịch vụ nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khác hoặc công cụ lưu trữ giá trị và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng tại một địa điểm khác.  5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống rửa tiền xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.  6. Cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền.  7. Đe dọa, trả thù người phát hiện, cung cấp thông tin, báo cáo, tố cáo về hành vi rửa tiền. | 4. Cung cấp trái phép dịch vụ nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khác hoặc công cụ lưu trữ giá trị và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng.  5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống rửa tiền xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.  6. Cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền.  7. Đe dọa, trả thù người phát hiện, cung cấp thông tin, báo cáo, tố cáo về hành vi rửa tiền. | - Khoản 4: bỏ cụm từ “tại một địa điểm khác” để tránh cách hiểu khác nhau tại quy định này. |
| **Chương II. BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN**  **Mục 1. NHẬN BIẾT KHÁCH HÀNG VÀ CẬP NHẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG** | **Chương II. BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN**  **Mục 1. NHẬN BIẾT KHÁCH HÀNG VÀ CẬP NHẬT, XÁC MINH THÔNG TIN NHẬN BIẾT KHÁCH HÀNG** | - Sửa tên mục đảm bảo phù hợp quy định tại nội dung các điều được quy định tại Chương II. |
| **Điều 8. Nhận biết khách hàng** | **Điều 9. Nhận biết khách hàng**  1. Nhận biết khách hàng bao gồm thu thập, cập nhật, xác minh thông tin quy định tại các điều 10, 11, 12, 13 và 14 của Luật này. | Bổ sung khoản 1 để làm rõ nội hàm quy định về nhận biết khách hàng. |
| 1. Tổ chức tài chính phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau: | 2. Tổ chức tài chính phải thực hiện nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau: |  |
| a) Khách hàng mở tài khoản hoặc thiết lập giao dịch với tổ chức tài chính; | a) Khách hàng lần đầu mở tài khoản hoặc thiết lập quan hệ với tổ chức tài chính; | * Điểm a khoản 2: thay thế cụm từ “giao dịch” thành “quan hệ” để đảm bảo bất kỳ hành vi nào của khách hàng với tổ chức tài chính nhằm sử dụng dịch vụ không chỉ gồm hành vi thiết lập giao dịch đều phải thực hiện biện pháp nhận biết khách hàng. Đồng thời, bổ sung cụm từ “lần đầu” mở tài khoản hoặc thiết lập quan hệ với tổ chức tài chính để phù hợp với thực tiễn triển khai thực hiện hoạt động nhận biết khách hàng của đối tượng báo cáo. Nội dung này cũng đã được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 116/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật PCRT 2012. |
| b) Khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn hoặc thực hiện giao dịch chuyển tiền điện tử mà thiếu thông tin về tên, địa chỉ, số tài khoản của người khởi tạo; | b) Khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị bằng hoặc vượt mức quy định; hoặc thực hiện giao dịch chuyển tiền điện tử mà thiếu thông tin về tên, địa chỉ, số tài khoản của người khởi tạo hoặc mã giao dịch trong trường hợp người khởi tạo không có tài khoản; | * Điểm b khoản 2: Bổ sung cụm từ “mã giao dịch trong trường hợp người khởi tạo không có số tài khoản” trong trường hợp khách hàng không có tài khoản để đáp ứng yêu cầu tiêu chí 16.7, Khuyến nghị 16 của FATF – Chuyển tiền điện tử (phần Chú giải). Quy định này cũng phù hợp với thực tiễn vì có trường hợp khách hàng giao dịch không có tài khoản và đối với mỗi giao dịch tại ngân hàng hiện nay đều có mã giao dịch để quản lý. |
| c) Có nghi ngờ giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền;  d) Có nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó. | c) Có nghi ngờ giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền;  d) Có nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó. |  |
| 2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau:  a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 của Luật này phải tiến hành các biện pháp nhận biết khách hàng đối với các khách hàng có giao dịch có giá trị lớn;  b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi cung cấp dịch vụ môi giới mua, bán và quản lý bất động sản cho khách hàng;  c) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong trường hợp khách hàng có giao dịch mua, bán kim loại quý, đá quý có giá trị lớn bằng tiền mặt;  d) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi thay mặt khách hàng chuẩn bị các điều kiện để thực hiện giao dịch hoặc thay mặt khách hàng thực hiện giao dịch chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; quản lý tiền, chứng khoán hoặc các tài sản khác của khách hàng; quản lý tài khoản của khách hàng tại ngân hàng, công ty chứng khoán; điều hành, quản lý hoạt động công ty của khách hàng; tham gia vào hoạt động mua, bán các tổ chức kinh doanh;  đ) Các tổ chức cung cấp dịch vụ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi cung ứng các dịch vụ thành lập công ty; cung cấp giám đốc, thư ký giám đốc của doanh nghiệp; cung cấp văn phòng đăng ký, địa chỉ hoặc địa điểm kinh doanh; cung cấp dịch vụ đại diện cho công ty; dịch vụ ủy thác đầu tư; dịch vụ cung cấp người đại diện cho cổ đông. | 3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính phải nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau:  a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Luật này phải nhận biết khách hàng đối với các khách hàng có giao dịch có giá trị bằng hoặc vượt mức quy định;  b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Luật này phải nhận biết khách hàng khi cung cấp dịch vụ kinh doanh bất động sản cho khách hàng;  c) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Luật này phải nhận biết khách hàng khi khách hàng có giao dịch mua, bán kim loại quý, đá quý bằng tiền mặt có giá trị bằng hoặc vượt mức quy định;  d) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 của Luật này phải nhận biết khách hàng khi thay mặt khách hàng chuẩn bị các điều kiện để thực hiện giao dịch hoặc thay mặt khách hàng thực hiện giao dịch chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; quản lý tiền, chứng khoán hoặc các tài sản khác của khách hàng; quản lý tài khoản của khách hàng tại ngân hàng, công ty chứng khoán; điều hành, quản lý công ty; tham gia vào hoạt động mua, bán các tổ chức kinh doanh;  đ) Tổ chức cung cấp dịch vụ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 của Luật này phải nhận biết khách hàng khi cung ứng các dịch vụ thành lập công ty; cung cấp dịch vụ giám đốc, thư ký công ty cho bên thứ ba; cung cấp thỏa thuận pháp lý. | - Khoản 3:  + Điều chỉnh các nội dung tham chiếu tại khoản 3 để đảm bảo chính xác (do thay đổi số thứ tự các điều của dự thảo Luật).  + Sửa cụm từ “giá trị lớn” tại điểm a và c bằng cụm từ “giá trị bằng hoặc vượt mức quy định” để đảm bảo rõ ràng và phân biệt với các trường hợp giao dịch giá trị lớn phải báo cáo và giao dịch giá trị lớn bất thường.  + Sửa đổi từ ngữ tại điểm b, c, d, đ phù hợp với nội dung sửa đổi tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật. |
|  | 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. | Bổ sung khoản 4 giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết các trường hợp nhận biết khách hàng; ngưỡng giao dịch phải thực hiện nhận biết khách hàng. |
| **Điều 9. Thông tin nhận biết khách hàng**  Thông tin nhận biết khách hàng phải có các thông tin chính sau đây: | **Điều 10. Thông tin nhận biết khách hàng**  1. Thông tin nhận biết khách hàng bao gồm thông tin nhận dạng khách hàng, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi và mục đích, bản chất của mối quan hệ kinh doanh giữa khách hàng với đối tượng báo cáo. | - Bổ sung khoản 1 để làm rõ quy định tại Điều này. |
| 1. Thông tin nhận dạng khách hàng:  a) Đối với khách hàng cá nhân là người Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại.  Đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở Việt Nam;  b) Đối với khách hàng là tổ chức: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số điện thoại, số fax; lĩnh vực hoạt động, kinh doanh; thông  tin về người thành lập, đại diện cho tổ chức bao gồm các thông tin quy định tại điểm a khoản này. | 2. Thông tin nhận dạng khách hàng bao gồm cả thông tin người đại diện của khách hàng cá nhân (nếu có):  a) Đối với khách hàng cá nhân có 01 quốc tịch là người Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại liên lạc; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại khác (nếu có);  b) Đối với khách hàng cá nhân có 01 quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; số thị thực nhập cảnh, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam;  c) Đối với khách hàng cá nhân có 01 quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài;  d) Đối với khách hàng cá nhân là người có từ 02 quốc tịch trở lên : thông tin theo quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này; thông tin về các quốc tịch, các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch;  đ) Đối với khách hàng cá nhân là người không quốc tịch: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; nghề nghiệp, chức vụ; số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (nếu có); số thị thực; cơ quan cấp thị thực nhập cảnh, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài (nếu có), địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở Việt Nam;  e) Đối với khách hàng là tổ chức: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số giấy phép thành lập hoặc mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế; số điện thoại liên lạc; số fax, trang thông tin điện tử (nếu có); lĩnh vực hoạt động, kinh doanh; thông tin về người thành lập, người đại diện theo pháp luật của tổ chức bao gồm các thông tin như quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này và các thông tin tại điểm này đối với trường hợp người thành lập là tổ chức. | - Khoản 2: sửa đổi, bổ sung mới một số thông tin nhận biết khách hàng nhằm khắc phục những bất cập trong thực tiễn và phù hợp với quy định tại Luật Quốc tịch; Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; Luật cư trú 2020; Luật Căn cước công dân 2014; đồng thời, khắc phục thiếu hụt được chỉ ra tại Khuyến nghị số 10 của FATF về Xác minh thông tin khách hàng. |
| 2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi:  a) Đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi và áp dụng các biện pháp để nhận biết và cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi;  b) Đối với khách hàng là pháp nhân hoặc khi cung ứng dịch vụ thỏa thuận ủy quyền, đối tượng báo cáo phải thu thập thông tin về quyền sở hữu và cơ cấu kiểm soát để xác định được cá nhân có lợi ích kiểm soát và chi phối hoạt động của pháp nhân hoặc thỏa thuận ủy quyền đó. | 3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi: đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi và áp dụng các biện pháp để nhận biết và cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi. | * Khoản 3: bỏ nội dung quy định tại điểm b khoản 2 do nội dung này sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định của Chính phủ. |
| 3. Mục đích của khách hàng trong mối quan hệ với đối tượng báo cáo. | 4. Mục đích và bản chất của mối quan hệ kinh doanh của khách hàng với đối tượng báo cáo. | * Khoản 4: bổ sung quy định về “bản chất của mối quan hệ kinh doanh” để phù hợp với tiêu chí 10.6, Khuyến nghị 10 - Xác minh thông tin khách hàng của FATF. Nội dung này sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định của Chính phủ. |
|  | 5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 và khoản 4 Điều này. | - Bổ sung Khoản 5 giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết nội dung quy định tại khoản 3, 4 Điều này. |
| **Điều 10. Cập nhật thông tin nhận biết khách hàng**  Đối tượng báo cáo phải thường xuyên cập nhật thông tin nhận biết khách hàng trong suốt thời gian thiết lập quan hệ với khách hàng; bảo đảm các giao dịch mà khách hàng đang tiến hành thông qua đối tượng báo cáo phù hợp với những thông tin đã biết về khách hàng, về hoạt động kinh doanh, về rủi ro và về nguồn gốc tài sản của khách hàng. | **Điều 11. Cập nhật thông tin nhận biết khách hàng**  Đối tượng báo cáo phải cập nhật thông tin nhận biết khách hàng trong thời gian thiết lập quan hệ với khách hàng nhằm đảm bảo các giao dịch mà khách hàng đang tiến hành phải phù hợp với các thông tin về khách hàng trong hồ sơ hiện có, những thông tin đã biết về khách hàng, hoạt động kinh doanh, mức độ rủi ro về rửa tiền và nguồn gốc tài sản của khách hàng. | Bổ sung quy định trách nhiệm của đối tượng báo cáo về cập nhật các thông tin nhận biết khách hàng đảm bảo phù hợp với các hồ sơ hiện có. Bỏ cụm từ “thường xuyên” và “trong suốt”, để đối tượng báo cáo chủ động cập nhật thông tin nhận biết khách hàng theo quy định, phù hợp với thực tiễn hoạt động của đối tượng báo cáo.  Quy định này cũng đáp ứng được yêu cầu của APG đối với việc tuân thủ khuyến nghị của FATF tại Khuyến nghị 10 - Xác minh thông tin khách hàng. |
| **Điều 11. Biện pháp xác minh thông tin nhận biết khách hàng**  1. Đối tượng báo cáo sử dụng các tài liệu, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng bao gồm:  a) Đối với khách hàng là cá nhân: chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn thời hạn sử dụng và các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp;  b) Đối với khách hàng là tổ chức: Giấy phép hoặc quyết định thành lập; quyết định đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng. | **Điều 12. Xác minh thông tin nhận biết khách hàng**  1. Đối tượng báo cáo sử dụng các tài liệu, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng bao gồm:  a) Đối với khách hàng là cá nhân: chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng và các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp;  b) Đối với khách hàng là tổ chức: giấy phép hoặc quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; quyết định về tổ chức lại, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động của tổ chức (nếu có); điều lệ của tổ chức; quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán; các tài liệu, dữ liệu liên quan đến người thành lập, người đại diện theo pháp luật của tổ chức, chủ sở hữu hưởng lợi. | Sửa đổi điều 11 Luật PCRT 2012 nhằm đáp ứng yêu cầu của APG đối với việc tuân thủ Khuyến nghị 10 – Xác minh thông tin khách hàng về việc đối tượng báo cáo sử dụng nguồn thông tin độc lập đáng tin cậy (giấy tờ, thông tin được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp…). Cụ thể:   * Khoản 1: sửa đổi, bổ sung tên các giấy tờ cung cấp phù hợp với Luật Căn cước công dân và Luật Doanh nghiệp; bổ sung quy định về “các tài liệu, dữ liệu liên quan đến người thành lập, người đại diện theo pháp luật của tổ chức, chủ sở hữu hưởng lợi”, “điều lệ của tổ chức” phù hợp quy định của Luật Doanh nghiệp và yêu cầu tại Khuyến nghị 10 của FATF và thống nhất với các thông tin nhận biết khách hàng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 dự thảo Luật. |
| 2. Đối tượng báo cáo có thể thông qua tổ chức, cá nhân khác đã hoặc đang có quan hệ với khách hàng; hoặc thông qua cơ quan quản lý hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác để thu thập thông tin và đối chiếu với thông tin khách hàng cung cấp. | 2. Đối tượng báo cáo có thể khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật, qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Luật này để đối chiếu, xác minh thông tin do khách hàng cung cấp. | * Khoản 2:   + Bổ sung quy định “Đối tượng báo cáo có thể khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật” phù hợp với pháp luật hiện hành về việc chia sẻ thông tin trong CSDL quốc gia về cư dân cho cá nhân, tổ chức.  + Bổ sung quy định “tổ chức quy định tại Điều 13 và Điều 14 Luật này” để phù hợp với quy định tại Điều 13, 14 của dự thảo Luật. |
| **Điều 11. Biện pháp xác minh thông tin nhận biết khách hàng** | **Điều 13. Xác minh thông tin nhận biết khách hàng thông qua việc thuê tổ chức khác** | Bố cục lại khoản 3 Điều 11 Luật PCRT năm 2012 thành quy định tại Điều 13 dự thảo Luật đảm bảo đầy đủ quy định đối với trường hợp xác minh thông tin khách hàng thông qua việc thuê các tổ chức khác thực hiện. Đồng thời, bổ sung một số yêu cầu đối với hoạt động thuê tổ chức khác xác minh thông tin khách hàng, cụ thể: |
| ….  3. Đối tượng báo cáo có thể thuê các tổ chức khác để xác minh thông tin nhận biết khách hàng. Trường hợp này đối tượng báo cáo phải bảo đảm tổ chức được thuê thực hiện đúng các quy định về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật này và chịu trách nhiệm về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng. | 1. Đối tượng báo cáo có thể thuê các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để xác minh thông tin nhận biết khách hàng, trừ tổ chức là bên thứ ba quy định tại Điều 14 của Luật này. Việc thuê tổ chức khác để xác minh thông tin nhận biết khách hàng thực hiện theo thỏa thuận của các bên và các quy định của pháp luật có liên quan.  2. Đối tượng báo cáo phải bảo đảm tổ chức được thuê bảo mật thông tin nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về kết quả xác minh thông tin nhận biết khách hàng của tổ chức được thuê. | - Khoản 1: bổ sung quy định tổ chức khác “được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật”, theo đó việc thành lập và hoạt động của các tổ chức này phải phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Việc thuê tổ chức khác xác minh thông tin nhận biết khách hàng thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan, Luật PCRT không điều chỉnh hoạt động thuê tổ chức khác của đối tượng báo cáo.  - Khoản 2: bổ sung cụm từ “bảo mật thông tin nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật” để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cá nhân và pháp nhân đối với các thông tin được thu thập. |
| **Điều 17. Hoạt động kinh doanh qua giới thiệu**  1. Khi tiến hành hoạt động kinh doanh qua giới thiệu, đối tượng báo cáo có thể nhận biết khách hàng thông qua bên trung gian và bảo đảm các yêu cầu sau đây:  a) Bên trung gian phải thu thập, lưu giữ và cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin nhận biết khách hàng cho đối tượng báo cáo khi được yêu cầu;  b) Bên trung gian tuân thủ các yêu cầu về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật này hoặc khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính trong trường hợp bên trung gian là tổ chức nước ngoài;  c) Bên trung gian phải là đối tượng chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.  2. Việc nhận biết khách hàng thông qua bên trung gian không loại trừ trách nhiệm của đối tượng báo cáo trong việc nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng. | **Điều 14. Nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba**  1. Đối tượng báo cáo có thể nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba và bảo đảm bên thứ ba đáp ứng các yêu cầu sau đây:  a) Là tổ chức tài chính hoặc tổ chức kinh doanh ngành nghề phi tài chính có thiết lập quan hệ với khách hàng, không bao gồm các mối quan hệ đại lý và thuê ngoài;  b) Thực hiện nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 9 của Luật này hoặc khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính trong trường hợp bên thứ ba là tổ chức ở nước ngoài;  c) Thu thập, lưu trữ và cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin nhận biết khách hàng, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng cho đối tượng báo cáo khi được yêu cầu; thực hiện bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật;  d) Là đối tượng chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.  2. Trong trường hợp bên thứ ba là tổ chức tài chính và có công ty mẹ là tổ chức tài chính, ngoài yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này, đối tượng báo cáo phải bảo đảm công ty mẹ của bên thứ ba đáp ứng các yêu cầu sau đây:  a) Các yêu cầu về nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng, khách hàng là cá nhân có ảnh hưởng chính trị, lưu trữ hồ sơ, thông tin, báo cáo và bảo đảm bí mật hồ sơ, thông tin, tài liệu báo cáo quy định tại các điều 9, 17, 38 và 40 của Luật này hoặc các khuyến nghị liên quan của Lực lượng đặc nhiệm tài chính trong trường hợp công ty mẹ của tổ chức tài chính là tổ chức nước ngoài;  b) Việc áp dụng các yêu cầu về nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng và lưu trữ hồ sơ, thông tin giao dịch phải được kiểm soát trong toàn hệ thống;  c) Áp dụng các chính sách để giảm thiểu rủi ro đối với các lĩnh vực có rủi ro cao về rửa tiền.  3. Đối tượng báo cáo phải chịu trách nhiệm về kết quả nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng của bên thứ ba. | Điều 17 Luật PCRT 2012 được xây dựng phù hợp với khuyến nghị của FATF tại thời điểm năm 2012. Tuy nhiên, hiện nay, khuyến nghị của FATF đã được sửa đổi, trong đó có nội dung sửa đổi liên quan đến khuyến nghị về việc dựa vào bên thứ ba. Do vậy, sửa đổi tại Điều 14 dự thảo Luật để chuẩn hóa từ ngữ và phù hợp với yêu cầu của khuyến nghị số 17 của FATF - Dựa vào bên thứ ba (đã được chỉnh sửa, bổ sung).  Ngoài ra, bổ sung các quy định tại khoản 3 về trách nhiệm của bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba là tổ chức tài chính và có công ty mẹ là tổ chức tài chính theo yêu cầu tại khuyến nghị của FATF. |
| **Điều luật mới.** | **Điều 15. Đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo**  1. Đối tượng báo cáo phải thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền. Kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo phải được cập nhật hằng năm. Trường hợp đối tượng báo cáo là tổ chức, kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền phải được phê duyệt theo quy định nội bộ của đối tượng báo cáo.  2. Đối tượng báo cáo phải báo cáo kết quả đánh giá rủi ro hoặc cập nhật kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và bộ, ngành quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực của đối tượng báo cáo trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết quả đánh giá rủi ro hoặc cập nhật kết quả đánh giá rủi ro được ban hành hoặc phê duyệt. Đối tượng báo cáo phải phổ biến kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong toàn hệ thống của đối tượng báo cáo.  3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo. | Quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu tại tiêu chí 1.10, Khuyến nghị số 1 - Đánh giá rủi ro và áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro. Theo nhận định của APG về tiêu chí này, Việt Nam chưa có quy định đầy đủ về trách nhiệm thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo.  Đồng thời, điều luật này được thiết kế làm cơ sở cho các đối tượng báo cáo thực hiện tự đánh giá những loại rủi ro về rửa tiền trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình cũng như hỗ trợ cho hoạt động giám sát chung về PCRT của NHNN và các cơ quan có thẩm quyền. |
| **Điều 12. Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro**  1. Đối tượng báo cáo phải xây dựng quy định về phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro theo loại khách hàng, loại sản phẩm, dịch vụ khách hàng sử dụng, nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở chính của khách hàng. | **Điều 16. Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền**  1. Căn cứ kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền quy định tại Điều 15 của Luật này, đối tượng báo cáo phải xây dựng quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền phải bao gồm cả việc phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro thấp, trung bình, cao và các biện pháp áp dụng tương ứng với các mức độ rủi ro về rửa tiền của khách hàng. | - Khoản 1: sửa đổi làm rõ căn cứ kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo, đối tượng báo cáo xây dựng quy trình quản lý rủi ro, phân loại khách hàng phù hợp với quy định tại Điều 15 dự thảo Luật về trách nhiệm thực hiện đánh giá rủi ro rửa tiền của đối tượng báo cáo. |
| 2. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro thấp, đối tượng báo cáo có thể áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ thấp hơn nhưng phải bảo đảm thu thập được đầy đủ thông tin về khách hàng quy định tại Điều 9 của Luật này.  3. Đối với khách hàng, giao dịch có mức độ rủi ro cao quy định tại các điều 13, 14, 15, 16 và 17 của Luật này, ngoài việc thực hiện các biện pháp nhận biết quy định tại Điều 9 của Luật này, đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp đánh giá tăng cường theo quy định của Luật này.  4. Đối với khách hàng, giao dịch khác có mức độ rủi ro cao không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, ngoài việc thực hiện các biện pháp nhận biết quy định tại Điều 9 của Luật này, đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp đánh giá tăng cường theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | 2. Đối tượng báo cáo áp dụng các biện pháp tương ứng với các mức độ rủi ro về rửa tiền của khách hàng như sau:  a) Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, đối tượng báo cáo có thể nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹ sau lần đầu thiết lập quan hệ với khách hàng;  b) Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình, đối tượng báo cáo phải nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 9 của Luật này ;  c) Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền cao, ngoài các biện pháp như đã được quy định tại điểm b Khoản này, đối tượng báo cáo phải áp dụng biện pháp tăng cường bao gồm nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng tăng cường và giám sát chặt chẽ các giao dịch của khách hàng. | - Cơ cấu lại khoản 2, 3 và 4 Điều 12 của Luật PCRT năm 2012 thành khoản 2 của dự thảo Luật. Cụ thể: sửa đổi, bổ sung làm rõ yêu cầu đối tượng báo cáo áp dụng các biện pháp theo mức độ tương ứng trên cơ sở kết quả phân loại đánh giá rủi ro rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều này.  Việc sửa đổi này nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị số 1 - Đánh giá rủi ro và áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro, Khuyến nghị 10 – Xác minh thông tin khách hàng và các chú giải của Khuyến nghị số 1, 10 của FATF cũng như các khuyến nghị hành động nêu tại báo cáo của APG. |
|  | 3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết điểm a và điểm c khoản 2 Điều này ày. | - Khoản 3: bổ sung quy định giao Thống đốc NHNN hướng dẫn chi tiết về các biện pháp tăng cường và biện pháp nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹ do nội dung này mang tính kỹ thuật. |
| **Điều 13. Khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị** | **Điều 17. Cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị** | - Sửa tên điều để phù hợp với nội hàm của quy định. Đối tượng điều chỉnh của Điều này bao gồm khách hàng là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị và các đối tượng có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều này. |
| 1. Khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị là người giữ chức vụ cấp cao trong các cơ quan, tổ chức hữu quan của nước ngoài.  Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo danh sách khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị quy định tại khoản này trên cơ sở khuyến nghị của tổ chức quốc tế về phòng, chống rửa tiền. | 1. Cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị là người giữ chức vụ cấp cao trong các cơ quan, tổ chức của nước ngoài và tổ chức quốc tế.  Đối tượng báo cáo rà soát các nguồn thông tin đã thu thập, bao gồm cả nguồn thông tin về danh sách cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để lập danh sách khách hàng là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị áp dụng tại đối tượng báo cáo. | - Khoản 1:  + Bổ sung cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị bao gồm cả người giữ chức vụ cấp cao trong các tổ chức quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí 12.2 Khuyến nghị số 12 của FATF về Cá nhân có ảnh hưởng chính trị.  + Bổ sung việc đối tượng báo cáo có thể sử dụng các nguồn thông tin khác ngoài nguồn thông tin về danh sách cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị do NHNN thông báo để lập danh sách PEP nước ngoài áp dụng tại đối tượng báo cáo. |
| 2. Đối tượng báo cáo phải có hệ thống quản lý rủi ro để xác định khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị và áp dụng các biện pháp sau đây:  a) Xây dựng quy chế kiểm soát nội bộ đối với việc mở tài khoản hoặc thiết lập giao dịch khi khách hàng hoặc chủ sở hữu hưởng lợi được xác định là cá nhân có ảnh hưởng chính trị;  b) Thực hiện các biện pháp nhằm nhận biết nguồn gốc tài sản của khách hàng;  c) Tăng cường giám sát khách hàng và quan hệ kinh doanh với khách hàng.  3. Đối tượng báo cáo phải áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2 Điều này đối với khách hàng là cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại khoản 1 Điều này. | 2. Đối tượng báo cáo phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu sau:  a) Có hệ thống quản lý rủi ro phù hợp nhằm xác định khách hàng hoặc chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị; người thụ hưởng hoặc chủ sở hữu hưởng lợi của người thụ hưởng trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị;  b) Được sự chấp thuận của quản lý cấp cao theo quy định nội bộ trước khi thiết lập mối quan hệ kinh doanh với khách hàng là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị;  c) Thực hiện các biện pháp thích hợp để xác minh nguồn gốc tài sản của khách hàng và chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị, những người có liên quan đến cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị quy định tại khoản 3 Điều này và thực hiện giám sát mối quan hệ kinh doanh trong suốt quá trình giao dịch với đối tượng báo cáo; thực hiện giám sát chặt chẽ mối quan hệ kinh doanh với chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có người thụ hưởng hoặc chủ sở hữu hưởng lợi của người thụ hưởng là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị và xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ nếu cần thiết.  3. Đối tượng báo cáo phải thực hiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này đối với khách hàng là cá nhân dưới đây:  a) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này;  b) Đồng sở hữu với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều này của một hoặc nhiều pháp nhân, thỏa thuận pháp lý;  c) Chủ sở hữu hưởng lợi của một hoặc nhiều pháp nhân, thỏa thuận pháp lý do cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này sở hữu. | * Sửa đổi khoản 2, 3 Luật PCRT 2012 về các quy định cụ thể mà đối tượng báo cáo phải áp dụng để xác định, nhận biết và áp dụng biện pháp giám sát chặt chẽ đối với cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị và những người có liên quan.   Việc sửa đổi này nhằm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí 10.12, 10.13 Khuyến nghị số 10 – Xác minh thông tin khách hàng và đáp ứng một phần yêu cầu Khuyến nghị số 12 - Cá nhân có ảnh hưởng chính trị. |
| **Điều 14. Quan hệ ngân hàng đại lý**  Đối tượng báo cáo khi thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý với ngân hàng đối tác nước ngoài phải áp dụng các biện pháp sau đây:  1. Thu thập thông tin về ngân hàng đối tác để biết đầy đủ về bản chất kinh doanh, uy tín của ngân hàng đối tác và bảo đảm ngân hàng đối tác phải chịu sự giám sát, quản lý của cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài;  2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp về phòng, chống rửa tiền của ngân hàng đối tác;  3. Phải được sự chấp thuận của Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc người được ủy quyền của đối tượng báo cáo trước khi thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý;  4. Trong trường hợp khách hàng của ngân hàng đối tác có thể thanh toán thông qua tài khoản của ngân hàng đối tác mở tại đối tượng báo cáo, đối tượng báo cáo phải bảo đảm ngân hàng đối tác đã thực hiện đầy đủ việc nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng và có khả năng cung cấp thông tin nhận biết khách hàng theo yêu cầu của đối tượng báo cáo. | **Điều 18.** **Quan hệ ngân hàng đại lý**  1. Đối tượng báo cáo là ngân hàng khi thiết lập quan hệ với ngân hàng đối tác để cung cấp dịch vụ ngân hàng, thanh toán và các dịch vụ khác cho ngân hàng đối tác phải thực hiện các nội dung sau:  a) Thu thập thông tin về ngân hàng đối tác để hiểu biết đầy đủ về bản chất kinh doanh, uy tín của ngân hàng đối tác và thông tin việc ngân hàng đối tác có bị điều tra về rửa tiền hoặc các vi phạm pháp luật khác về phòng, chống rửa tiền;  b) Đánh giá việc thực hiện các biện pháp về phòng, chống rửa tiền của ngân hàng đối tác;  c) Hiểu biết về các trách nhiệm phòng, chống rửa tiền của ngân hàng đối tác trong quan hệ đại lý.  2. Trường hợp khách hàng của ngân hàng đối tác có thể thanh toán thông qua tài khoản của ngân hàng đối tác mở tại đối tượng báo cáo, đối tượng báo cáo phải bảo đảm ngân hàng đối tác đã thực hiện đầy đủ việc nhận biết, cập nhật thông tin nhận biết khách hàng và có khả năng cung cấp thông tin nhận biết khách hàng theo yêu cầu của đối tượng báo cáo; tài khoản của ngân hàng đối tác mở tại đối tượng báo cáo không được phép sử dụng bởi các ngân hàng vỏ bọc.  3. Việc thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý của đối tượng báo cáo phải được sự chấp thuận của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, hoặc người được Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của đối tượng báo cáo ủy quyền. | Chỉnh sửa quy định này nhằm làm rõ nội hàm trong quan hệ ngân hàng đại lý. Theo quy định này, trường hợp đối tượng báo cáo khi thiết lập quan hệ với ngân hàng đối tác để cung cấp dịch vụ ngân hàng, thanh toán, dịch vụ khác thì phải áp dụng biện pháp phù hợp.  Ngoài ra, sửa đổi, cấu trúc lại khoản 1, 3, 4 Điều 14 của Luật PCRT năm 2012 cũng như bổ sung khoản 3 Điều 18 của dự thảo Luật để đảm bảo chính xác về từ ngữ và phù hợp hơn với các yêu cầu tại Khuyến nghị 13 của FATF về Hoạt động ngân hàng đại lý; đồng thời nhằm khắc phục những thiếu hụt pháp lý được chỉ ra tại Báo cáo đánh giá đa phương của APG liên quan tới Khuyến nghị số 13. |
| **Điều 15. Các giao dịch liên quan tới công nghệ mới**  1. Đối tượng báo cáo phải ban hành quy trình nhằm mục đích sau đây:  a) Phát hiện, ngăn chặn việc sử dụng công nghệ mới vào việc rửa tiền;  b) Quản lý rủi ro về rửa tiền khi thiết lập giao dịch với khách hàng sử dụng công nghệ mới và không gặp mặt trực tiếp.  2. Quy trình quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm việc cập nhật thông tin khách hàng có hiệu quả như việc cập nhật thông tin khách hàng gặp mặt trực tiếp. | **Điều 19. Trách nhiệm của đối tượng báo cáo khi cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới**  1. Đối tượng báo cáo phải ban hành chính sách, quy trình để nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền trước khi đưa vào sử dụng đối với sản phẩm, dịch vụ mới và sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới, nhằm mục đích sau đây:  a) Phát hiện, ngăn chặn việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới vào việc rửa tiền;  b) Quản lý rủi ro về rửa tiền khi thiết lập giao dịch với khách hàng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới.  2. Đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp cần thiết để giảm thiểu rủi ro về rửa tiền. | * Sửa đổi tên điều và bổ sung khoản 1 quy định trách nhiệm của đối tượng báo cáo khi cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới phải nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền trước khi đưa vào sử dụng. * Khoản 1: sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 của Luật PCRT 2012 phù hợp với thực tế triển khai, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới tại các tổ chức báo cáo nhằm giảm thiểu rủi ro do các loại hình sản phẩm, dịch vụ mới hoặc sản phẩm dịch vụ áp dụng công nghệ đổi mới, tiên tiến có thể tiềm ẩn các rủi ro về rửa tiền. * Bổ sung khoản 2 quy định trách nhiệm của đối tượng báo cáo thực hiện các biện pháp để giảm thiểu rủi ro về rửa tiền khi cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới.   Các quy định sửa đổi điều này tại dự thảo cũng nhằm đáp ứng một phần các yêu cầu tại Khuyến nghị số 15 về Công nghệ mới của FATF và khắc phục những thiếu hụt được chỉ ra tại báo cáo đánh giá đa phương của APG liên quan đến Khuyến nghị số 15 về Công nghệ mới và Khuyến nghị số 22 về Các DNFBP: Theo dõi cập nhật thông tin khách hàng. |
| **Điều 16. Giám sát đặc biệt một số giao dịch** | **Điều 20. Giám sát một số giao dịch đặc biệt** | Sửa đổi tên điều để đảm bảo rõ ràng trong quy định.  Nội dung điều này nhằm đáp ứng khuyến nghị số 19 của FATF về “Các quốc gia có rủi ro cao”, phù hợp với định hướng xây dựng Luật PCRT sửa đổi (chính sách 3) về hoàn thiện các quy định về các biện pháp phòng ngừa áp dụng đối với đối tượng báo cáo. |
| 1. Đối tượng báo cáo phải giám sát đặc biệt đối với các giao dịch sau đây:  a) Giao dịch với giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp;  b) Giao dịch với tổ chức, cá nhân tại quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc danh sách cảnh báo. | 1. Đối tượng báo cáo phải giám sát đối với các giao dịch đặc biệt sau:  a) Giao dịch có giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp theo quy định của Chính phủ;  b) Giao dịch với tổ chức, cá nhân tại quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc danh sách cảnh báo. | - Điểm a khoản 1: đây là các nội dung mang tính định lượng, có thể thay đổi theo từng thời kỳ, do đó dự thảo Luật giao Chính phủ hướng dẫn nội dung này. |
| 2. Đối tượng báo cáo phải kiểm tra cơ sở pháp lý và mục đích của giao dịch; trường hợp có nghi ngờ về tính trung thực, mục đích của giao dịch, đối tượng báo cáo phải lập báo cáo về giao dịch đáng ngờ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và có thể từ chối giao dịch đó. | 2. Để giám sát giao dịch đặc biệt, đối tượng báo cáo phải thực hiện các biện pháp tăng cường theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 16 của Luật này; kiểm tra thông tin và mục đích của giao dịch, trường hợp có nghi ngờ về tính chính xác, mục đích của giao dịch, đối tượng báo cáo phải xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ và có thể từ chối giao dịch đó. | * Khoản 2: bổ sung quy định yêu cầu đối tượng báo cáo phải thực hiện các biện pháp tăng cường cập nhật thông tin khách hàng phù hợp với mức độ rủi ro nhằm đáp ứng yêu cầu Khuyến nghị 19 của FATF. |
| **Điều 18. Bảo đảm tính minh bạch của pháp nhân và thỏa thuận ủy quyền** | **Điều 21. Minh bạch thông tin của pháp nhân** | * Điều 18 Luật PCRT 2012 được tách ra thành hai phần, gồm Điều 21 dự thảo về Minh bạch thông tin của pháp nhân và Điều 22 dự thảo về Minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý. * Sửa tên Điều 21 "Minh bạch thông tin của pháp nhân" để phù hợp với tên gọi và nội dung của Khuyến nghị 24 của FATF về Minh bạch và chủ sở hữu hưởng lợi tại các pháp nhân. |
| 1. Sở giao dịch chứng khoán phải lưu giữ và cập nhật thông tin cơ bản về cơ cấu tổ chức, người sáng lập, chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp niêm yết.  2. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải lưu giữ và cập nhật thông tin cơ bản về cơ cấu tổ chức, người sáng lập, chủ sở hữu hưởng lợi của các doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. | 1. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp phép thành lập, hoạt động cho pháp nhân phải cập nhật, lưu trữ thông tin cơ bản của pháp nhân bao gồm tên và loại hình pháp nhân, quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, tình trạng pháp lý, địa chỉ đặt trụ sở chính, cơ cấu tổ chức quản lý; danh sách người quản lý pháp nhân, điều lệ, thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân (nếu có); các thông tin này phải được lưu trữ ít nhất 05 năm sau ngày pháp nhân chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật. | - Khoản 1 và khoản 2 của Luật PCRT 2012 được cơ cấu thành khoản 1 của dự thảo Luật để sửa đổi, bổ sung, làm rõ thông tin về pháp nhân mà cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp phép thành lập, hoạt động cho pháp nhân phải cập nhật và lưu trữ nhằm đáp ứng tiêu chí 24.1, 24.6, 24.7, 24.9 Khuyến nghị 24 - Minh bạch và chủ sở hữu hưởng lợi tại các pháp nhân. |
| 3. Tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ pháp lý về soạn thảo thỏa thuận ủy quyền cho khách hàng phải lưu giữ, duy trì và cập nhật thông tin về thỏa thuận ủy quyền và chủ sở hữu hưởng lợi theo thỏa thuận đó. | 2. Pháp nhân có trách nhiệm thu thập, cập nhật, lưu trữ thông tin cơ bản của pháp nhân bao gồm tên và loại hình pháp nhân, quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, tình trạng pháp lý, địa chỉ đặt trụ sở chính, cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm cả danh sách người quản lý pháp nhân, điều lệ; chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân. | - Khoản 2: Bổ sung trách nhiệm của pháp nhân phải thu thập, cập nhật và lưu trữ thông tin cơ bản, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi nhằm đáp ứng tiêu chí 24.4, 24.6, 24.9 Khuyến nghị 24 - Minh bạch và chủ sở hữu hưởng lợi tại các pháp nhân. |
| 4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về phòng, chống rửa tiền có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này cung cấp thông tin. | 3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý nhà nước, thanh tra, giám sát phòng, chống rửa tiền, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm có quyền yêu cầu cơ quan, pháp nhân cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. | - Khoản 3: Bổ sung cụm từ “về quản lý nhà nước, thanh tra, giám sát về phòng, chống rửa tiền, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm” để làm rõ thẩm quyền các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin. |
| **Điều 18. Bảo đảm tính minh bạch của pháp nhân và thỏa thuận ủy quyền**  1. Sở giao dịch chứng khoán phải lưu giữ và cập nhật thông tin cơ bản về cơ cấu tổ chức, người sáng lập, chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp niêm yết.  2. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải lưu giữ và cập nhật thông tin cơ bản về cơ cấu tổ chức, người sáng lập, chủ sở hữu hưởng lợi của các doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. | **Điều 22. Minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý**  1. Bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý có trách nhiệm sau đây:  a) Thu thập, cập nhật các thông tin nhận dạng về bên ủy thác, bên nhận ủy thác, người thụ hưởng, các bên liên quan (nếu có), cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác.  Các thông tin này phải được lưu trữ ít nhất 05 năm sau khi bên nhận ủy thác ngừng tham gia vào hoạt động ủy thác; | Điều khoản này được tách ra từ Điều 18 Luật phòng, chống rửa tiền 2012 như đã đề cập ở trên. Điều 22 dự thảo về “Minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý” nhằm đáp ứng yêu cầu tại Khuyến nghị 25 của FATF về “Tính minh bạch và quyền sở hữu hưởng lợi của thỏa thuận pháp lý”. Cụ thể:   * Điểm a Khoản 1 quy định yêu cầu người nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý phải thu thập, cập nhật và lưu giữ thông tin về các bên tham gia ủy thác, cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác nhằm đáp ứng tiêu chí 25.1a,b, 25.2 Khuyến nghị 25 của FATF. |
|  | b) Cung cấp các thông tin quy định tại điểm a khoản này cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; cho tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính trong quá trình duy trì mối quan hệ khách hàng với tổ chức, cá nhân này liên quan đến tài sản được ủy thác khi được yêu cầu. | * Điểm b Khoản 1 quy định yêu cầu bên nhận ủy thác cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu nhằm đáp ứng tiêu chí 25.4 Khuyến nghị số 25; cho tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính trong quá trình duy trì mối quan hệ với tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính nhằm đáp ứng tiêu chí 25.3 và các thiếu hụt được đánh giá tại tiêu chí 25.3 Khuyến nghị 25 của FATF. |
| 3. Tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ pháp lý về soạn thảo thỏa thuận ủy quyền cho khách hàng phải lưu giữ, duy trì và cập nhật thông tin về thỏa thuận ủy quyền và chủ sở hữu hưởng lợi theo thỏa thuận đó. | 2. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính được quyền yêu cầu bên nhận ủy thác cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và văn bản ủy thác khi thực hiện nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng là bên nhận ủy thác. | * Khoản 2 quy định việc tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính được quyền tiếp cận thông tin theo quy định tại khoản 1 khi thực hiện nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng là bên nhận ủy thác nhằm đáp ứng Khuyến nghị 25 của FATF. |
| 4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về phòng, chống rửa tiền có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này cung cấp thông tin. | 3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý nhà nước, thanh tra, giám sát phòng, chống rửa tiền, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. | * Khoản 3: Bổ sung cụm từ “về quản lý nhà nước, thanh tra, giám sát về phòng, chống rửa tiền, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm” để làm rõ thẩm quyền các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin. |
| **Điều 19. Bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động của tổ chức phi lợi nhuận**  1. Các tổ chức phi lợi nhuận được thành lập hoặc hoạt động tại Việt Nam phải duy trì, cập nhật hồ sơ có đầy đủ các thông tin về tổ chức, cá nhân tài trợ; tổ chức, cá nhân tiếp nhận tài trợ; số tiền tài trợ và mục đích sử dụng tiền tài trợ.  2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này phải được lưu trữ đầy đủ và cung cấp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu. | **Điều 23. Minh bạch trong hoạt động của tổ chức phi lợi nhuận**  1. Tổ chức phi lợi nhuận phải thu thập, cập nhật, lưu trữ hồ sơ, thông tin sau đây:  a) Thông tin về tổ chức, cá nhân tài trợ, gồm: tên đầy đủ, địa chỉ, số tiền tài trợ, phương thức tài trợ và các thông tin khác (nếu có);  b) Thông tin về tổ chức, cá nhân tiếp nhận tài trợ, gồm: tên đầy đủ, địa chỉ, số tiền nhận tài trợ, phương thức tài trợ, mục đích sử dụng tiền tài trợ và các thông tin khác (nếu có);  c) Chứng từ, tài liệu liên quan tới việc tài trợ và tiếp nhận tài trợ.  2. Tổ chức phi lợi nhuận phải lưu trữ hồ sơ, thông tin quy định tại khoản 1 Điều này ít nhất 05 năm kể từ thời điểm hoạt động tài trợ hoặc tiếp nhận tài trợ kết thúc.  3. Trường hợp tổ chức phi lợi nhuận giải thể hoặc kết thúc hoạt động, hồ sơ, thông tin nêu tại khoản 1 Điều này phải được bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền quản lý đối với tổ chức phi lợi nhuận đó. | - Sửa đổi, bổ sung các quy định chi tiết liên quan đến các hoạt động tiếp nhận tài trợ của tổ chức phi lợi nhuận nhằm phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền. Các nội dung này được luật hóa từ các quy định chi tiết tại Nghị định 116/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật PCRT 2012. |
|  | 4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý nhà nước, thanh tra, giám sát phòng, chống rửa tiền, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm có quyền yêu cầu tổ chức phi lợi nhuận cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều này. | - Khoản 4: Bổ sung để làm rõ thẩm quyền các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin. |
| **Mục 1. NHẬN BIẾT KHÁCH HÀNG VÀ CẬP NHẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**  **Điều 20. Xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền**  1. Căn cứ vào các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đối tượng báo cáo phải ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền với những nội dung chính sau đây: | **Mục 2. TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG QUY ĐỊNH NỘI BỘ VÀ BÁO CÁO, CUNG CẤP, LƯU TRỮ HỒ SƠ, THÔNG TIN VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN**  **Điều 24. Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền**  1. Đối tượng báo cáo là tổ chức phải ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền bao gồm nội dung chính sau đây: | Sửa đổi tên mục để bao quát các điều khoản quy định tại mục này.  Sửa đổi Điều này nhằm khắc phục những thiếu hụt được chỉ ra tại báo cáo đánh giá đa phương của APG liên quan đến Khuyến nghị số 18 về Kiểm soát nội bộ, chi nhánh nước ngoài và công ty con của FATF. Cụ thể:  - Khoản 1: Bổ sung cụm từ “là tổ chức”, theo đó dự thảo Luật quy định đối với đối tượng báo cáo là tổ chức sẽ phải đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 24 dự thảo Luật. |
| a) Chính sách chấp nhận khách hàng; | a) Chính sách chấp nhận khách hàng, trong đó có nội dung về từ chối mở tài khoản, thiết lập mối quan hệ kinh doanh, thực hiện giao dịch hoặc chấm dứt mối quan hệ kinh doanh với khách hàng khi đối tượng báo cáo không thể hoàn thành việc nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng do khách hàng từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ và phải xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ; | + Điểm a: bổ sung “nội dung về từ chối mở tài khoản, thiết lập mối quan hệ kinh doanh, thực hiện giao dịch hoặc chấm dứt mối quan hệ kinh doanh với khách hàng …’ trong chính sách chấp nhận khách hàng nhằm khắc phục thiếu hụt được chỉ ra tại báo cáo đánh giá đa phương của APG liên quan đến tiêu chí 10.19 Khuyến nghị số 10 của FATF về Xác minh thông tin khách hàng. |
| b) Quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng; | b) Quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng; |  |
|  | c) Chính sách, quy trình quản lý rủi ro trong đó có các quy định tại khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 19 và khoản 3 Điều 34 Luật này; | + Điểm c: bổ sung quy định yêu cầu đối tượng báo cáo phải ban hành quy định nội bộ có nội dung “Chính sách, quy trình quản lý rủi ro …” phù hợp với các quy định mới tại luật này yêu cầu đối tượng báo cáo thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền. |
| c) Giao dịch phải báo cáo;  d) Quy trình rà soát, phát hiện, xử lý và báo cáo giao dịch đáng ngờ; cách thức giao tiếp với khách hàng thực hiện giao dịch đáng ngờ;  đ) Lưu giữ và bảo mật thông tin;  e) Áp dụng biện pháp tạm thời, nguyên tắc xử lý trong các trường hợp trì hoãn thực hiện giao dịch;  g) Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; | d) Quy trình báo cáo các giao dịch phải báo cáo;  đ) Quy trình rà soát, phát hiện, xử lý và báo cáo giao dịch đáng ngờ; cách thức giao tiếp với khách hàng thực hiện giao dịch đáng ngờ phải báo cáo;  e) Lưu trữ và bảo mật thông tin;  g) Áp dụng biện pháp tạm thời, nguyên tắc xử lý trong các trường hợp trì hoãn thực hiện giao dịch;  h) Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; | + Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 20 Luật PCRT 2012 thành điểm d tại dự thảo Luật để đảm bảo rõ ràng nội dung quy định. |
| h) Bồi dưỡng nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền; | i) Tuyển dụng nhân sự, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền; | + Điểm i: bổ sung quy định đối tượng báo cáo phải ban hành quy định về “Tuyển dụng nhân sự; đào tạo,…” nhằm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí 18.1 Khuyến nghị 18 của FATF. |
| i) Kiểm soát và kiểm toán nội bộ việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình và thủ tục liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền; trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền. | k) Kiểm soát và kiểm toán nội bộ việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình và thủ tục liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền; trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền. |  |
|  | 2. Đối tượng báo cáo là doanh nghiệp siêu nhỏ, cá nhân phải ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền có nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 1 Điều này. | - Bổ sung khoản 2: đối với đối tượng báo cáo là các doanh nghiệp siêu nhỏ, cá nhân, quy định nội bộ chỉ phải có một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều 24, phù hợp với loại hình, quy mô hoạt động của các đối tượng này. |
| 2. Nội dung quy định nội bộ phải bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý có hiệu quả các hoạt động có nghi ngờ liên quan tới rửa tiền; phù hợp cơ cấu tổ chức, quy mô hoạt động và mức độ rủi ro về rửa tiền trong hoạt động của đối tượng báo cáo và phải được phổ biến đến từng cá nhân, bộ phận có liên quan của đối tượng báo cáo. | 3. Nội dung quy định nội bộ phải bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hoạt động có nghi ngờ liên quan tới rửa tiền; phù hợp cơ cấu tổ chức, quy mô hoạt động và mức độ rủi ro về rửa tiền trong hoạt động của đối tượng báo cáo và phải được áp dụng, phổ biến đến toàn hệ thống và đại lý của đối tượng báo cáo. | * Khoản 3: Bổ sung quy định “áp dụng, phổ biến đến toàn hệ thống và đại lý của đối tượng báo cáo” nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị số 18 của FATF về Kiểm soát nội bộ, chi nhánh nước ngoài và công ty con. |
| 3. Đối tượng báo cáo phải thường xuyên đánh giá quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền để sửa đổi, bổ sung phù hợp. | 4. Hằng năm, đối tượng báo cáo phải đánh giá quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. | * Khoản 4: bổ sung quy định về định kỳ “hằng năm” đối tượng báo cáo phải đánh giá quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền để sửa đổi, bổ sung phù hợp để phù hợp với yêu cầu khuyến nghị của FATF về việc nội dung quy định nội bộ cần phải được thường xuyên xem xét, cập nhật. Việc cụ thể hóa định kỳ “hằng năm” cũng đảm bảo rõ ràng, thuận lợi hơn cho quá trình triển khai, thực hiện của đối tượng báo cáo. |
|  | 5. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết Điều này. | * Khoản 5: do các nội dung tại Điều này mang tính kỹ thuật, dự thảo Luật bổ sung quy định giao Thống đốc NHNN ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết các nội dung quy định tại Điều này. |
| **Mục 2. TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO, CUNG CẤP VÀ LƯU GIỮ THÔNG TIN**  **Điều 21. Báo cáo giao dịch có giá trị lớn**  1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi thực hiện các giao dịch có giá trị lớn. | **Điều 25. Báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo**  1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi thực hiện các giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo. | Sửa tên điều phù hợp với tên gọi khái niệm đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Luật. Giải thích từ ngữ. |
| 2. Theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ quy định mức giá trị của giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. | 2. Thủ tướng Chính phủ quy định mức giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. | - Khoản 2: bỏ cụm từ “Theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” vì đây là thủ tục nội bộ trong ban hành văn bản của Thủ tướng Chính phủ, không cần thiết quy định tại Luật. |
| **Điều 22. Báo cáo giao dịch đáng ngờ**  1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi nghi ngờ hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch có nguồn gốc do phạm tội mà có hoặc liên quan tới rửa tiền. Báo cáo giao dịch đáng ngờ được thực hiện theo mẫu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. | **Điều 26. Báo cáo giao dịch đáng ngờ**  1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có đủ các yếu tố sau:  a) Giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo hoặc người bị kết án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự;  b) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản hoặc tài sản có nguồn gốc từ tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát của cá nhân đó hoặc cá nhân, tổ chức liên quan tới cá nhân đó trong hoặc sau thời gian thực hiện hành vi phạm tội. | - Làm rõ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật PCRT 2012 tại khoản 1, 2 Điều 26 của dự thảo Luật theo hướng Luật hóa các quy định hướng dẫn chi tiết tại Nghị định 116/2013/NĐ-CP và có sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, cụ thể:  + Khoản 1: bổ sung quy định các yếu tố mà khi có đủ các yếu tố này, đối tượng báo cáo phải báo cáo giao dịch đáng ngờ đối với các giao dịch liên quan đến tội phạm. |
|  | 2. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến rửa tiền được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin khi khách hàng, giao dịch có một hoặc nhiều dấu hiệu đáng ngờ theo quy định tại các điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 và 33 của Luật này và từ các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo xác định. | + Khoản 2 tại dự thảo Luật: nhằm quy định các trường hợp khác ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1, theo đó, khi có sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến rửa tiền được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin khi khách hàng, giao dịch có một hoặc nhiều dấu hiệu đáng ngờ thuộc từng lĩnh vực cụ thể quy định tại các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 và Điều 33 của Luật này và từ các dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo xác định. |
| 8. Trong thực tế hoạt động, nếu phát hiện dấu hiệu đáng ngờ ngoài các dấu hiệu cơ bản nêu trên, đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Căn cứ yêu cầu của công tác phòng, chống rửa tiền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ quy định bổ sung các dấu hiệu đáng ngờ tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này. | 3. Khi phát hiện dấu hiệu đáng ngờ ngoài các dấu hiệu nêu tại các điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 và 33 của Luật này, đối tượng báo cáo, các bộ, ngành có liên quan thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Căn cứ yêu cầu của công tác phòng, chống rửa tiền trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Chính phủ hướng dẫn và bổ sung các dấu hiệu đáng ngờ theo các ngành, lĩnh vực. | * Khoản 3: sửa đổi khoản 8 Điều 22 Luật PCRT 2012:   + Bỏ cụm từ “cơ bản” để chuẩn hóa từ ngữ, tránh nhầm lẫn với cụm từ “các dấu hiệu đáng ngờ cơ bản” theo quy định tại Điều 27 dự thảo Luật.  + Bổ sung “các bộ, ngành có liên quan thông báo”: thông tin từ các bộ, ngành liên quan là một trong các cơ sở để NHNN trình Chính phủ bổ sung dấu hiệu giao dịch đáng ngờ mới phát sinh của các ngành, lĩnh vực bên cạnh thông tin từ các đối tượng báo cáo. |
| 2. Các dấu hiệu đáng ngờ cơ bản bao gồm:  a) Khách hàng cung cấp thông tin nhận biết khách hàng không chính xác, không đầy đủ, không nhất quán;  b) Khách hàng thuyết phục đối tượng báo cáo không báo cáo giao dịch cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;  c) Không thể xác định được khách hàng theo thông tin khách hàng cung cấp hoặc giao dịch liên quan đến một bên không xác định được danh tính;  d) Số điện thoại cá nhân hoặc cơ quan do khách hàng cung cấp không thể liên lạc được hoặc không có số này sau khi mở tài khoản hoặc thực hiện giao dịch;  đ) Các giao dịch được thực hiện theo lệnh hoặc theo uỷ quyền của tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo;  e) Các giao dịch mà qua thông tin nhận biết khách hàng hoặc qua xem xét về cơ sở kinh tế và pháp lý của giao dịch có thể xác định được mối liên hệ giữa các bên tham gia giao dịch với các hoạt động phạm tội hoặc có liên quan tới tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo;  g) Các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch với số tiền lớn không phù hợp với thu nhập, hoạt động kinh doanh của tổ chức, cá nhân này;  h) Giao dịch của khách hàng thực hiện thông qua đối tượng báo cáo không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. | **Điều 27. Các dấu hiệu đáng ngờ cơ bản**  1. Khách hàng cung cấp thông tin nhận biết khách hàng không chính xác, không đầy đủ, không nhất quán.  2. Khách hàng thuyết phục đối tượng báo cáo không báo cáo giao dịch cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  3. Không thể xác định được khách hàng theo thông tin khách hàng cung cấp hoặc giao dịch liên quan đến một bên không xác định được danh tính.  4. Số điện thoại cá nhân hoặc cơ quan do khách hàng cung cấp không thể liên lạc được hoặc không tồn tại số điện thoại này sau khi mở tài khoản hoặc thực hiện giao dịch.  5. Các giao dịch được thực hiện theo lệnh hoặc theo uỷ quyền của tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo.  6. Các giao dịch mà qua thông tin nhận biết khách hàng hoặc qua xem xét về cơ sở kinh tế và pháp lý của giao dịch có thể xác định được mối liên hệ giữa các bên tham gia giao dịch với các hoạt động phạm tội hoặc có liên quan tới tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo.  7. Các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch với số tiền lớn không phù hợp với thu nhập, hoạt động kinh doanh của tổ chức, cá nhân này.  8. Giao dịch của khách hàng thực hiện thông qua đối tượng báo cáo không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. | Kết cấu lại khoản 2 Điều 22 Luật PCRT 2012 thành Điều 27 dự thảo Luật. |
| 3. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm:  a) Có sự thay đổi đột biến trong doanh số giao dịch trên tài khoản; tiền gửi vào và rút ra nhanh khỏi tài khoản; doanh số giao dịch lớn trong ngày nhưng số dư tài khoản rất nhỏ hoặc bằng không;  b) Các giao dịch chuyển tiền có giá trị nhỏ từ nhiều tài khoản khác nhau về một tài khoản hoặc ngược lại trong một thời gian ngắn; tiền được chuyển qua nhiều tài khoản; các bên liên quan không quan tâm đến phí giao dịch; thực hiện nhiều giao dịch, mỗi giao dịch gần mức giá trị lớn phải báo cáo;  c) Sử dụng thư tín dụng và các phương thức tài trợ thương mại khác có giá trị lớn, tỷ lệ chiết khấu với giá trị cao so với bình thường;  d) Khách hàng mở nhiều tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở khu vực địa lý khác nơi khách hàng cư trú, làm việc hoặc có hoạt động kinh doanh;  đ) Tài khoản của khách hàng không giao dịch trên một năm, giao dịch trở lại mà không có lý do hợp lý; tài khoản của khách hàng không giao dịch đột nhiên nhận được một khoản tiền gửi hoặc chuyển tiền có giá trị lớn;  e) Chuyển số tiền lớn từ tài khoản của doanh nghiệp ra nước ngoài sau khi nhận được nhiều khoản tiền nhỏ được chuyển vào bằng chuyển tiền điện tử, séc, hối phiếu;  g) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được vốn đầu tư hoặc chuyển tiền ra nước ngoài không phù hợp với hoạt động kinh doanh; doanh nghiệp nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được tiền từ nước ngoài chuyển vào tài khoản mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;  h) Khách hàng thường xuyên đổi tiền có mệnh giá nhỏ sang mệnh giá lớn; | **Điều 28. Dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực ngân hàng**  1. Có sự thay đổi đột biến trong doanh số giao dịch trên tài khoản; tiền gửi vào và rút ra nhanh khỏi tài khoản; doanh số giao dịch lớn trong ngày nhưng số dư tài khoản rất nhỏ hoặc bằng không.  2. Các giao dịch chuyển tiền có giá trị nhỏ từ nhiều tài khoản khác nhau về một tài khoản hoặc ngược lại trong một thời gian ngắn; tiền được chuyển qua nhiều tài khoản; các bên liên quan không quan tâm đến phí giao dịch; thực hiện nhiều giao dịch, mỗi giao dịch gần mức giá trị lớn phải báo cáo.  3. Sử dụng thư tín dụng và các phương thức tài trợ thương mại khác có giá trị lớn bất thường, tỷ lệ chiết khấu với giá trị cao so với bình thường.  4. Khách hàng mở nhiều tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở khu vực địa lý khác nơi khách hàng cư trú, làm việc hoặc có hoạt động kinh doanh.  5. Tài khoản của khách hàng không giao dịch trên một năm, giao dịch trở lại mà không có lý do hợp lý; tài khoản của khách hàng không giao dịch đột nhiên nhận được một khoản tiền gửi hoặc chuyển tiền có giá trị lớn bất thường.  6. Chuyển số tiền lớn từ tài khoản của doanh nghiệp ra nước ngoài sau khi nhận được nhiều khoản tiền nhỏ được chuyển vào bằng chuyển tiền điện tử, séc, hối phiếu.  7. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được vốn đầu tư hoặc chuyển tiền ra nước ngoài không phù hợp với hoạt động kinh doanh; doanh nghiệp nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được tiền từ nước ngoài chuyển vào tài khoản mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.  8. Khách hàng thường xuyên đổi tiền có mệnh giá nhỏ sang mệnh giá lớn. | * Kết cấu lại khoản 3 Điều 22 Luật PCRT 2012 thành Điều 28:   + Sửa đổi cụm từ “có giá trị lớn bất thường” để phân biệt đối với các giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo theo quy định tại dự thảo Luật. |
| i) Giao dịch gửi tiền, rút tiền hay chuyển tiền được thực hiện bởi tổ chức hoặc cá nhân liên quan đến tội phạm tạo ra tài sản bất hợp pháp đã được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng; | 9. Giao dịch gửi tiền, rút tiền hay chuyển tiền được thực hiện bởi tổ chức hoặc cá nhân liên quan đến tội phạm tạo ra tài sản bất hợp pháp đã được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng. | - Điểm i khoản 3 Điều 22 Luật PCRT 2012 chỉnh sửa, bổ sung thành khoản 9 Điều 28 dự thảo Luật để loại trừ các trường hợp đã báo cáo tại điểm a khoản 1 Điều 26 dự thảo Luật. |
| k) Khách hàng yêu cầu vay số tiền tối đa được phép trên cơ sở bảo đảm bằng hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần ngay sau khi thanh toán phí bảo hiểm, trừ trường hợp tổ chức tín dụng yêu cầu; | 10. Khách hàng yêu cầu vay số tiền tối đa được phép trên cơ sở bảo đảm bằng hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần ngay sau khi thanh toán phí bảo hiểm, trừ trường hợp tổ chức tín dụng yêu cầu. |  |
| l) Thông tin về nguồn gốc tài sản sử dụng để tài trợ, đầu tư, cho vay, cho thuê tài chính hoặc uỷ thác đầu tư của khách hàng không rõ ràng, minh bạch; | 11. Thông tin về nguồn gốc tài sản sử dụng để tài trợ, đầu tư, cho vay hoặc uỷ thác đầu tư của khách hàng không rõ ràng, minh bạch. | - Khoản 11: bỏ cụm từ “cho thuê tài chính” để đảm bảo tính khả thi trong thực tế triển khai của đối tượng báo cáo. |
| m) Thông tin về nguồn gốc tài sản bảo đảm của khách hàng xin vay vốn không rõ ràng, minh bạch. | 12. Thông tin về nguồn gốc tài sản bảo đảm của khách hàng xin vay vốn không đầy đủ, không chính xác. | - Khoản 12: Sửa đổi cụm từ “không rõ ràng, minh bạch” thành “không đầy đủ, không chính xác” để đảm bảo rõ ràng quy định. |
|  | 13. Nghi ngờ hoặc có dấu hiệu nghi ngờ sử dụng tài khoản cá nhân để thực hiện giao dịch liên quan đến hoạt động công ty hoặc giao dịch giúp cho đối tượng cá nhân khác.  14. Các giao dịch trực tuyến qua tài khoản liên tục thay đổi về thiết bị đăng nhập, địa chỉ giao thức Internet (địa chỉ IP) ở nước ngoài. | - Bổ sung khoản 13 và khoản 14 tại dự thảo Luật để phù hợp với thực tiễn quá trình tiếp nhận báo cáo giao dịch đáng ngờ trong lĩnh vực ngân hàng. |
|  | **Điều 29. Dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực trung gian thanh toán**  1. Có sự thay đổi đột biến trong doanh số giao dịch trên ví điện tử; tiền nạp vào và rút ra nhanh khỏi ví điện tử; doanh số giao dịch lớn trong ngày nhưng số dư ví điện tử rất nhỏ hoặc bằng không.  2. Khách hàng thường xuyên thực hiện nạp tiền nhiều lần với giá trị nhỏ vào một ví điện tử, sau đó thực hiện giao dịch chuyển tiền giá trị lớn sang ví điện tử khác hoặc thực hiện giao dịch rút tiền giá trị lớn về tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ của khách hàng tại ngân hàng hoặc ngược lại.  3. Các giao dịch chuyển tiền thường xuyên có giá trị nhỏ từ nhiều ví điện tử khác nhau về một ví điện tử hoặc ngược lại trong một thời gian ngắn; tiền được chuyển qua nhiều ví điện tử và các bên liên quan không quan tâm đến phí giao dịch; thực hiện nhiều giao dịch, mỗi giao dịch gần mức giá trị lớn phải báo cáo; ví điện tử phát sinh nhiều giao dịch chuyển tiền cho ví điện tử khác với thời gian khởi tạo giao dịch nhanh bất thường.  4. Ví điện tử của khách hàng không giao dịch trên một năm, giao dịch trở lại mà không có lý do hợp lý; ví điện tử của khách hàng không giao dịch đột nhiên nhận được một khoản tiền nạp vào có giá trị lớn bất thường.  5. Giao dịch nạp tiền vào ví điện tử, rút tiền ra khỏi ví điện tử hay chuyển tiền giữa các ví điện tử được thực hiện bởi tổ chức hoặc cá nhân liên quan đến tội phạm tạo ra tài sản bất hợp pháp đã được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng.  6. Có cơ sở hợp lý để nghi ngờ khách hàng sử dụng ví điện tử cá nhân để thực hiện giao dịch liên quan đến hoạt động của tổ chức hoặc giao dịch thay cho đối tượng cá nhân khác.  7. Khách hàng là đơn vị chấp nhận thanh toán vẫn phát sinh giao dịch mặc dù trang thông tin điện tử chính thức hoặc trụ sở của khách hàng này qua xác minh đã ngừng hoạt động.  8. Các giao dịch trực tuyến qua ví điện tử liên tục thay đổi về thiết bị đăng nhập hoặc địa chỉ giao thức Internet (địa chỉ IP).  9. Khách hàng thường xuyên sử dụng thiết bị đăng nhập hoặc địa chỉ IP ở nước ngoài để truy cập vào ví điện tử hoặc thực hiện giao dịch trên ví điện tử; khách hàng thường xuyên sử dụng một thiết bị đăng nhập hoặc một địa chỉ IP để thực hiện giao dịch trên nhiều ví điện tử (không cùng một chủ ví điện tử). | - Bổ sung Điều 29 về Dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực trung gian thanh toán phù hợp với việc bổ sung đối tượng báo cáo tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Luật. |
| 4. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm bao gồm:  a) Khách hàng yêu cầu mua một hợp đồng bảo hiểm có giá trị lớn hoặc yêu cầu thanh toán trọn gói phí bảo hiểm một lần đối với các sản phẩm bảo hiểm không áp dụng hình thức thanh toán trọn gói, trong khi những hợp đồng bảo hiểm hiện tại của khách hàng chỉ có giá trị nhỏ và thanh toán định kỳ;  b) Khách hàng yêu cầu ký kết hợp đồng bảo hiểm với khoản phí bảo hiểm định kỳ không phù hợp với thu nhập hiện tại của khách hàng hoặc yêu cầu mua hợp đồng bảo hiểm liên quan đến công việc kinh doanh nằm ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của khách hàng;  c) Người mua hợp đồng bảo hiểm và thanh toán từ tài khoản không phải là tài khoản của mình hoặc bằng các công cụ chuyển nhượng không ghi tên;  d) Khách hàng yêu cầu thay đổi người thụ hưởng đã chỉ định hoặc bằng người không có mối quan hệ rõ ràng với người mua hợp đồng bảo hiểm;  đ) Khách hàng chấp nhận tất cả các điều kiện bất lợi không liên quan đến tuổi tác, sức khỏe của mình; khách hàng đề nghị mua bảo hiểm với mục đích không rõ ràng và miễn cưỡng cung cấp lý do tham gia bảo hiểm; điều kiện và giá trị hợp đồng bảo hiểm mâu thuẫn với nhu cầu của khách hàng;  e) Khách hàng hủy hợp đồng bảo hiểm ngay sau khi mua và yêu cầu chuyển tiền cho bên thứ ba; khách hàng thường xuyên tham gia bảo hiểm và nhượng lại hợp đồng bảo hiểm cho bên thứ ba;  g) Khách hàng là doanh nghiệp có số lượng hợp đồng bảo hiểm cho nhân viên hoặc mức phí bảo hiểm của hợp đồng đóng phí một lần tăng bất thường;  h) Doanh nghiệp bảo hiểm thường xuyên chi trả bảo hiểm với số tiền lớn cho cùng một khách hàng. | **Điều 30. Dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ**  1. Khách hàng yêu cầu mua một hợp đồng bảo hiểm có giá trị lớn bất thường hoặc yêu cầu thanh toán trọn gói phí bảo hiểm một lần đối với các sản phẩm bảo hiểm không áp dụng hình thức thanh toán trọn gói, trong khi những hợp đồng bảo hiểm hiện tại của khách hàng chỉ có giá trị nhỏ và thanh toán định kỳ.  2. Khách hàng yêu cầu ký kết hợp đồng bảo hiểm với khoản phí bảo hiểm định kỳ không phù hợp với thu nhập hiện tại của khách hàng hoặc yêu cầu mua hợp đồng bảo hiểm liên quan đến công việc kinh doanh nằm ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của khách hàng.  3. Bên mua bảo hiểm thanh toán phí bảo hiểm từ tài khoản không phải là tài khoản của bên mua bảo hiểm, tài khoản của tổ chức, cá nhân được bên mua bảo hiểm ủy quyền; hoặc thanh toán bằng các công cụ chuyển nhượng không ghi tên.  4. Khách hàng yêu cầu thay đổi người thụ hưởng đã chỉ định bằng người không có mối quan hệ rõ ràng với bên mua bảo hiểm.  5. Khách hàng chấp nhận tất cả các điều kiện bất lợi không liên quan đến tuổi tác, sức khỏe của mình; khách hàng đề nghị mua bảo hiểm với mục đích không rõ ràng và miễn cưỡng cung cấp lý do tham gia bảo hiểm; điều kiện và giá trị hợp đồng bảo hiểm mâu thuẫn với nhu cầu của khách hàng.  6. Khách hàng hủy hợp đồng bảo hiểm ngay sau khi mua và yêu cầu chuyển tiền phí bảo hiểm đã đóng cho bên thứ ba; khách hàng thường xuyên tham gia bảo hiểm và nhượng lại hợp đồng bảo hiểm cho bên thứ ba.  7. Khách hàng là doanh nghiệp có số lượng hợp đồng bảo hiểm cho nhân viên hoặc mức phí bảo hiểm của hợp đồng đóng phí một lần tăng bất thường.  8. Doanh nghiệp bảo hiểm thường xuyên chi trả bảo hiểm với số tiền lớn cho cùng một khách hàng. | - Kết cấu lại khoản 4 Điều 22 Luật PCRT 2012 thành Điều 30 dự thảo Luật:  + Sửa đổi cụm từ “có giá trị lớn bất thường” để phân biệt đối với các giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo theo quy định tại dự thảo Luật.  + Khoản 3: sửa đổi để phù hợp với thực tiễn phát sinh các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ mà NHNN qua quá trình tiếp nhận, thu thập, phân tích thông tin báo cáo giao dịch đáng ngờ từ các đối tượng báo cáo có được thông tin. |
| 5. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm:  a) Giao dịch mua, bán chứng khoán có dấu hiệu bất thường trong một ngày hoặc một số ngày do một tổ chức hoặc một cá nhân thực hiện;  b) Khách hàng thực hiện chuyển nhượng chứng khoán ngoài hệ thống mà không có lý do hợp lý;  c) Công ty chứng khoán chuyển tiền không phù hợp với các hoạt động kinh doanh chứng khoán;  d) Người không cư trú chuyển số tiền lớn từ tài khoản giao dịch chứng khoán ra khỏi Việt Nam;  đ) Khách hàng thường xuyên bán danh mục đầu tư và đề nghị công ty chứng khoán thanh toán bằng tiền mặt hoặc séc;  e) Khách hàng đầu tư bất thường vào nhiều loại chứng khoán bằng tiền mặt hoặc séc trong khoảng thời gian ngắn hoặc sẵn sàng đầu tư vào các danh mục chứng khoán không có lợi;  g) Tài khoản chứng khoán của khách hàng không hoạt động trong một thời gian dài nhưng đột nhiên được đầu tư lớn không phù hợp với khả năng tài chính của khách hàng;  h) Giao dịch mua, bán chứng khoán có nguồn tiền từ các quỹ đầu tư được mở ở các vùng lãnh thổ được các tổ chức quốc tế xếp loại là có nguy cơ rửa tiền cao. | **Điều 31. Dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực chứng khoán**  1. Giao dịch mua, bán chứng khoán có dấu hiệu bất thường trong một ngày hoặc một số ngày do một tổ chức hoặc một cá nhân thực hiện.  2. Công ty chứng khoán chuyển tiền không phù hợp với các hoạt động kinh doanh chứng khoán.  3. Người không cư trú chuyển số tiền lớn từ tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc thanh lý các hợp đồng ủy thác đầu tư chứng khoán để chuyển tiền ra khỏi Việt Nam.  4. Khách hàng thường xuyên bán tất cả cổ phiếu trong danh mục đầu tư và đề nghị công ty chứng khoán ký ủy nhiệm chi để khách hàng rút tiền mặt từ ngân hàng thương mại.  5. Khách hàng đầu tư bất thường vào nhiều loại chứng khoán không có lợi trong khoảng thời gian ngắn.  6. Tài khoản chứng khoán của khách hàng không hoạt động trong một thời gian dài nhưng đột nhiên được đầu tư lớn không phù hợp với khả năng tài chính của khách hàng.  7. Giao dịch mua, bán chứng khoán có nguồn tiền từ các quỹ đầu tư được mở ở các quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro cao về rửa tiền. | * Kết cấu lại khoản 5 Điều 22 Luật PCRT 2012 thành Điều 31 dự thảo Luật:   + Bỏ điểm b, sửa đổi điểm d, đ, e khoản 5 Điều 22 Luật PCRT năm 2012 thành khoản 3, 4, 5 Điều 31 dự thảo Luật để phù hợp với thực tiễn phát sinh các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ trong lĩnh vực chứng khoán. |
|  | 8. Nhà đầu tư nước ngoài cư trú ở quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro cao về rửa tiền góp vốn thành lập quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán tại Việt Nam. | + Bổ sung khoản 8 tại dự thảo Luật để phù hợp với quy định pháp luật về lĩnh vực chứng khoán. |
| 6. Dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực trò chơi có thưởng, casino bao gồm:  a) Khách hàng có dấu hiệu liên tục cố tình thua tại casino;  b) Khách hàng đổi số lượng đồng tiền quy ước có giá trị lớn tại casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng nhưng không tham gia chơi hoặc chơi với số lượng rất nhỏ sau đó đổi lại thành tiền mặt hoặc séc, hối phiếu ngân hàng hoặc chuyển tiền đến tài khoản khác;  c) Khách hàng yêu cầu chuyển tiền thắng cược, trúng thưởng cho bên thứ ba không có mối quan hệ rõ ràng với khách hàng hoặc khi bên thứ ba không có nơi thường trú cùng với khách hàng;  d) Khách hàng bổ sung tiền mặt hoặc séc vào số tiền thắng cược, trúng thưởng và yêu cầu casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng chuyển thành séc có giá trị lớn;  đ) Khách hàng nhiều lần trong một ngày yêu cầu casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng đổi số lượng đồng tiền quy ước thành tiền mặt;  e) Khách hàng nhiều lần trong một ngày yêu cầu bên thứ ba đổi hộ số lượng đồng tiền quy ước có giá trị lớn và nhờ bên thứ ba chơi cá cược hộ;  g) Khách hàng nhiều lần trong một ngày mua vé xổ số, vé đặt cược, đổi đồng tiền quy ước ở gần mức giới hạn giao dịch có giá trị lớn;  h) Khách hàng mua lại vé số trúng thưởng có giá trị lớn từ người khác. | **Điều 32. Dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực kinh doanh trò chơi có thưởng**  1. Khách hàng có dấu hiệu liên tục cố tình thua tại tổ chức kinh doanh trò chơi có thưởng.  2. Khách hàng đổi số lượng đồng tiền quy ước có giá trị lớn bất thường tại casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng nhưng không tham gia chơi hoặc chơi với số lượng rất nhỏ sau đó đổi lại thành tiền mặt hoặc séc, hối phiếu ngân hàng hoặc chuyển tiền đến tài khoản khác.  3. Khách hàng yêu cầu chuyển tiền thắng cược, trúng thưởng cho bên thứ ba không có mối quan hệ rõ ràng với khách hàng hoặc khi bên thứ ba không có nơi thường trú cùng với khách hàng.  4. Khách hàng bổ sung tiền mặt hoặc séc vào số tiền thắng cược, trúng thưởng và yêu cầu điểm kinh doanh trò chơi có thưởng chuyển thành séc có giá trị lớn bất thường.  5. Khách hàng nhiều lần trong một ngày yêu cầu casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng đổi số lượng đồng tiền quy ước thành tiền mặt.  6. Khách hàng nhiều lần trong một ngày yêu cầu bên thứ ba đổi hộ số lượng đồng tiền quy ước có giá trị lớn bất thường và nhờ bên thứ ba đặt cược hộ.  7. Khách hàng nhiều lần trong một ngày mua vé xổ số, vé đặt cược, đổi đồng tiền quy ước ở gần mức giới hạn giao dịch có giá trị lớn bất thường.  8. Khách hàng mua lại vé số trúng thưởng có giá trị lớn từ người khác. | * Kết cấu lại khoản 6 Điều 22 Luật PCRT 2012 thành Điều 32 dự thảo Luật:   + Sửa đổi khoản 1 cụm từ “casino” thành “tổ chức kinh doanh trò chơi có thưởng” để phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 4.  + Sửa đổi cụm từ “có giá trị lớn bất thường” để phân biệt đối với các giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo theo quy định tại dự thảo Luật. |
| 7. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản bao gồm:  a) Các giao dịch bất động sản là giao dịch ủy quyền nhưng không có cơ sở pháp lý;  b) Khách hàng không quan tâm đến giá bất động sản, phí giao dịch phải trả;  c) Khách hàng không cung cấp được các thông tin liên quan tới bất động sản hoặc không muốn cung cấp bổ sung thông tin về nhân thân;  d) Giá thỏa thuận giữa các bên giao dịch không phù hợp giá thị trường. | **Điều 33. Dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản**  1. Các giao dịch bất động sản là giao dịch ủy quyền nhưng không có cơ sở pháp lý.  2. Khách hàng không quan tâm đến giá bất động sản, phí giao dịch phải trả.  3. Khách hàng không cung cấp được các thông tin liên quan tới bất động sản hoặc không muốn cung cấp bổ sung thông tin về nhân thân.  4. Giá giao dịch giữa các bên không phù hợp giá thị trường. | - Kết cấu lại khoản 7 Điều 22 Luật PCRT 2012 thành Điều 33 dự thảo Luật.  - Sửa điểm d khoản 7 Điều 22 Luật PCRT 2022: sửa “Giá thỏa thuận” thành “Giá giao dịch” để đảm bảo rõ ràng quy định. |
| **Điều 23. Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử**  Đối tượng báo cáo khi cung ứng dịch vụ chuyển tiền điện tử có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về giao dịch chuyển tiền điện tử vượt quá mức giá trị theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | **Điều 34. Giao dịch chuyển tiền điện tử**  1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi thực hiện các giao dịch chuyển tiền điện tử vượt quá mức giá trị theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | Sửa tên điều phù hợp với nội hàm quy định. |
|  | 2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn chi tiết các nội dung liên quan đến giao dịch chuyển tiền điện tử phục vụ cho công tác phòng, chống rửa tiền. | - Bổ sung Khoản 2 tại dự thảo Luật giao Thống đốc NHNN hướng dẫn các nội dung về chuyển tiền điện tử, do các nội dung này mang tính kỹ thuật và thay đổi trong từng thời kỳ, việc giao hướng dẫn chi tiết sẽ đảm bảo được tính linh hoạt trong quá trình triển khai thực hiện, phù hợp và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong từng thời kỳ. |
|  | 3. Đối tượng báo cáo tham gia vào giao dịch chuyển tiền điện tử phải có chính sách, quy trình quản lý rủi ro để thực hiện, từ chối, tạm dừng, kiểm soát sau giao dịch hoặc xem xét, báo cáo giao dịch đáng ngờ các giao dịch chuyển tiền điện tử không chính xác, đầy đủ các thông tin theo yêu cầu. | - Bổ sung Khoản 3 tại dự thảo Luật để khắc phục thiếu hụt được APG chỉ ra tại tiêu chí 16.1, 16.2, 16.3 Khuyến nghị 16 của FATF về Chuyển tiền điện tử. |
| **Điều 24. Khai báo, cung cấp thông tin về việc vận chuyển tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới**  1. Cá nhân khi nhập cảnh, xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng trên mức quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải khai báo hải quan. | **Điều 35. Khai báo, cung cấp thông tin về việc vận chuyển tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới**  1. Cá nhân khi nhập cảnh, xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng trên mức quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải khai báo hải quan hoặc khai báo với bộ đội biên phòng, cảnh sát biển nơi không có cơ quan hải quan. | + Khoản 1: bổ sung đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận thông tin khai báo hải quan trong trường hợp nơi khai báo không có cơ quan hải quan thì khai báo với bộ đội biên phòng, cảnh sát biển để phù hợp quy định của Luật Hải quan năm 2014. |
| 2. Cơ quan Hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin thu thập được quy định tại khoản 1 Điều này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | 2. Cơ quan hải quan, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển có trách nhiệm thu thập, lưu trữ các thông tin khai báo quy định tại khoản 1 Điều này và cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có yêu cầu hoặc khi có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. | + Khoản 2: quy định trách nhiệm của Hải quan, Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển phải lưu trữ thông tin thu thập được tại khoản 1 và cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Quy định này nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan hải quan là đơn vị chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của cá nhân khi xuất, nhập cảnh và có khả năng nắm giữ, thu thập được nhiều thông tin quan trọng để cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, góp phần quan trọng trong công tác phòng, chống rửa tiền. Đồng thời, việc sửa đổi này nhằm phù hợp với điểm 5c Mục C diễn giải Khuyến nghị số 32 của FATF về Vận chuyển tiền mặt. |
| **Điều 25. Hình thức báo cáo**  1. Đối tượng báo cáo gửi tệp dữ liệu điện tử hoặc báo cáo bằng văn bản khi chưa thiết lập được hệ thống công nghệ thông tin tương thích phục vụ cho yêu cầu gửi tệp dữ liệu điện tử đối với các báo cáo được quy định tại các điều 21, 22 và 23 của Luật này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  2. Trong trường hợp cần thiết, đối tượng báo cáo có thể báo cáo qua fax, điện thoại, thư điện tử, nhưng phải bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu thông tin báo cáo và phải xác nhận lại bằng một trong hai hình thức quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ, đối tượng báo cáo phải gửi kèm hồ sơ mở tài khoản đối với các giao dịch thực hiện thông qua tài khoản, thông tin nhận biết khách hàng, các chứng từ và tài liệu khác liên quan đến giao dịch đáng ngờ, các biện pháp phòng ngừa đã thực hiện. | **Điều 36. Hình thức báo cáo**  1. Đối tượng báo cáo gửi tệp dữ liệu điện tử hoặc báo cáo bằng văn bản khi chưa thiết lập được hệ thống công nghệ thông tin tương thích phục vụ cho yêu cầu gửi tệp dữ liệu điện tử đối với các báo cáo được quy định tại các điều 25, 26 và 34 của Luật này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  2. Trong trường hợp cần thiết, đối tượng báo cáo có thể báo cáo qua fax, điện thoại, thư điện tử nhưng phải bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu thông tin báo cáo và phải xác nhận lại bằng một trong hai hình thức quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ, đối tượng báo cáo phải gửi kèm hồ sơ mở tài khoản đối với các giao dịch thực hiện thông qua tài khoản, thông tin nhận biết khách hàng, các chứng từ và tài liệu khác liên quan đến giao dịch đáng ngờ, các biện pháp phòng ngừa đã thực hiện.  4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều này. | - Khoản 1: Sửa các điều tham chiếu theo các điều tại dự thảo Luật mới.  - Bổ sung khoản 4 giao Thống đốc NHNN hướng dẫn chi tiết hình thức gửi báo cáo bằng tệp dữ liệu điện tử để đảm bảo rõ ràng, thống nhất trong quá trình triển khai, thực hiện. |
| **Điều 26. Thời hạn báo cáo**  1. Đối với giao dịch có giá trị lớn và giao dịch chuyển tiền điện tử, đối tượng báo cáo phải:  a) Báo cáo hàng ngày đối với hình thức báo cáo gửi tệp dữ liệu điện tử;  b) Báo cáo trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh giao dịch đối với hình thức báo cáo bằng văn bản hoặc các hình thức báo cáo khác. | **Điều 37. Thời hạn báo cáo**  1. Đối tượng báo cáo phải thực hiện báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo và báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử quy định tại Điều 25 và Điều 34 của Luật này như sau:  a) Báo cáo hàng ngày trong trường hợp phát sinh giao dịch đối với hình thức báo cáo gửi tệp dữ liệu điện tử;  b) Báo cáo trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh giao dịch đối với hình thức báo cáo bằng văn bản. | * Khoản 1: bổ sung điều khoản tham chiếu tại dự thảo Luật để đảm bảo rõ ràng nội dung của quy định.   Đồng thời tại điểm a khoản 1 bổ sung cụm từ “trong trường hợp phát sinh giao dịch”, theo đó đối tượng báo cáo chỉ phải thực hiện báo cáo khi có phát sinh giao dịch. |
| 2. Đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ, đối tượng báo cáo phải báo cáo trong thời gian tối đa là 48 giờ, kể từ thời điểm phát sinh giao dịch; trường hợp phát hiện giao dịch do khách hàng yêu cầu có dấu hiệu liên quan đến tội phạm thì phải báo cáo ngay cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | 2. Đối tượng báo cáo phải thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ quy định tại Điều 26 trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh giao dịch hoặc 01 ngày làm việc kể từ ngày đối tượng báo cáo chủ động phát hiện hoặc buộc phải phát hiện được giao dịch đáng ngờ xét theo hoàn cảnh thực tế khách quan diễn ra giao dịch đáng ngờ.  Trường hợp phát hiện giao dịch đáng ngờ do khách hàng yêu cầu có dấu hiệu liên quan đến tội phạm thì đối tượng báo cáo phải báo cáo trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | * Khoản 2: sửa đổi quy định theo ngày làm việc thay vì theo giờ như quy định tại Luật PCRT 2012; bổ sung thời hạn báo cáo giao dịch đáng ngờ tính theo thời điểm đối tượng báo cáo chủ động phát hiện hoặc buộc phải phát hiện được giao dịch đáng ngờ xét theo hoàn cảnh thực tế khách quan diễn ra giao dịch đáng ngờ. Theo đó, khi phát hiện dấu hiệu đáng ngờ, đối tượng báo cáo thu thập, rà soát, phân tích thông tin tiếp theo để xác định giao dịch đáng ngờ, trên cơ sở đó thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ. Việc bổ sung cách xác định thời hạn báo cáo tạo điều kiện cho đối tượng báo cáo chủ động lựa chọn cách thức phù hợp, khắc phục khó khăn, vướng mắc trên thực tế đồng thời vẫn đảm bảo tính kịp thời trong hoạt động báo cáo giao dịch đáng ngờ. |
| **Điều 27. Thời hạn lưu giữ hồ sơ, báo cáo**  Đối tượng báo cáo có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ giao dịch của khách hàng ít nhất 05 năm, kể từ ngày phát sinh giao dịch; hồ sơ về nhận biết khách hàng, chứng từ kế toán và các báo cáo quy định tại các điều 21, 22 và 23 của Luật này kèm chứng từ, tài liệu liên quan ít nhất 05 năm, kể từ ngày kết thúc giao dịch hoặc ngày đóng tài khoản hoặc ngày báo cáo. | Điều 38. Lưu trữ hồ sơ, thông tin, báo cáo 1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm lưu trữ các hồ sơ, thông tin, báo cáo sau đây:  a) Hồ sơ, thông tin nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng;  b) Kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo;  c) Các hồ sơ, thông tin khác liên quan đến khách hàng, giao dịch phải báo cáo;  d) Báo cáo giao dịch theo quy định tại các điều 25, 26 và 34 của Luật này và các hồ sơ, thông tin kèm theo giao dịch báo cáo.  2. Thời hạn lưu trữ quy định như sau:  a) 05 năm kể từ ngày kết thúc giao dịch hoặc ngày đóng tài khoản hoặc ngày báo cáo đối với các thông tin, hồ sơ quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này;  b) 05 năm kể từ ngày phát sinh giao dịch đối với các báo cáo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này. | Sửa đổi, bổ sung làm rõ các loại thông tin, tài liệu cần lưu trữ, đáp ứng yêu cầu tại khuyến nghị số 11 của FATF về “Lưu trữ hồ sơ”. |
| **Điều 28. Trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin**  1. Đối tượng báo cáo phải cung cấp kịp thời hồ sơ, tài liệu lưu trữ và các thông tin liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật này hoặc khi được yêu cầu. | Điều 39. Trách nhiệm báo cáo, cung cấp hồ sơ, thông tin, báo cáo 1. Đối tượng báo cáo phải cung cấp kịp thời hồ sơ, thông tin, báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Chính phủ. | - Khoản 1: Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định về các loại hồ sơ, thông tin, báo cáo được lưu giữ tại khoản 1 Điều 38 dự thảo Luật và bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết về cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp hồ sơ, thông tin. |
| 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo quy định của Luật này không bị coi là vi phạm các quy định của pháp luật về bảo đảm bí mật tiền gửi, tài sản gửi, thông tin về tài khoản, thông tin về giao dịch của khách hàng. | 2. Đối tượng báo cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ báo cáo hoặc cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này không bị coi là vi phạm các quy định của pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin. | - Khoản 2: Sửa đổi chuẩn hóa từ ngữ |
| **Điều 29. Bảo đảm bí mật thông tin, tài liệu báo cáo**  1. Thông tin, chứng từ và tài liệu khác liên quan đến các giao dịch phải báo cáo theo quy định của Luật này được bảo quản theo chế độ mật và chỉ được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. | Điều 40. Bảo đảm bí mật hồ sơ, thông tin, tài liệu, báo cáo 1. Đối tượng báo cáo phải tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và bảo mật thông tin nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật có liên quan đối với hồ sơ, thông tin, tài liệu và báo cáo liên quan đến các giao dịch phải báo cáo theo quy định của Luật này. | - Khoản 1: Sửa đổi, làm rõ quy định về bảo mật thông tin. Cụ thể, theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Quyết định 2182/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng: “Thông tin giao dịch đáng ngờ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về phòng, chống rửa tiền: phòng, chống tài trợ khủng bố về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.” mới là thông tin mật. Hồ sơ thông tin và tài liệu liên quan đến thông tin nhận biết khách hàng thực hiện bảo mật theo quy định của pháp luật chuyên ngành. |
| 2. Đối tượng báo cáo không được tiết lộ thông tin về việc đã báo cáo giao dịch đáng ngờ hoặc các thông tin có liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | 2. Đối tượng báo cáo bao gồm cả người quản lý, người lao động không được tiết lộ thông tin về việc đã báo cáo giao dịch đáng ngờ hoặc các thông tin có liên quan đến giao dịch đáng ngờ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | - Khoản 2: Bổ sung cụm từ “bao gồm cả người quản lý, người lao động” để bao gồm trách nhiệm của cá nhân có liên quan ngoài tổ chức báo cáo nhằm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí 21.2 Khuyến nghị số 21 của FATF về Tiết lộ thông tin và tính bảo mật. |
| **Điều 30. Báo cáo hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố**  1. Đối tượng báo cáo có nghĩa vụ báo cáo kịp thời cho cơ quan phòng, chống khủng bố có thẩm quyền, đồng thời gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi phát hiện tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch nằm trong danh sách đen hoặc khi có căn cứ cho rằng tổ chức, cá nhân khác thực hiện hành vi có liên quan đến tội phạm rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố.  2. Căn cứ vào quy định của Luật này và pháp luật về phòng, chống khủng bố, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định thực hiện báo cáo tại khoản 1 Điều này. | Bỏ Điều này. | Bỏ Điều này vì dự thảo Luật khoản 3 Điều 63 đã sửa đổi các điều 34, 35 tại Luật phòng, chống khủng bố 2013 trong đó quy định nghĩa vụ các đối tượng báo cáo trong việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền. |
| **Mục 3. THU THẬP, XỬ LÝ VÀ CHUYỂN GIAO THÔNG TIN VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN**  **Điều 31. Thu thập, xử lý thông tin** | **Mục 3. THU THẬP, XỬ LÝ, PHÂN TÍCH, TRAO ĐỔI, CUNG CẤP VÀ CHUYỂN GIAO THÔNG TIN VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN**  **Điều 41. Thu thập, xử lý và phân tích thông tin phòng, chống rửa tiền**  1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu cần thiết cho việc phân tích, chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền, hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền. | Sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn triển khai công tác thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền tại NHNN. Cụ thể:   * Bổ sung Khoản 1 quy định thẩm quyền yêu cầu tổ chức cá nhân liên quan cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu cần thiết cho việc phân tích, chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền và hợp tác quốc tế về phòng chống rửa tiền theo quy định của Luật này. |
| 1. Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông tin, tài liệu, hồ sơ về các giao dịch và các thông tin khác theo quy định của Luật này nhằm phục vụ cho việc phân tích, chuyển giao thông tin. | 2. Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hồ sơ, thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này. | - Sửa đổi khoản 1 Luật PCRT 2012 thành khoản 2 tại dự thảo Luật và chỉnh sửa phù hợp với quy định tại khoản 1 dự thảo Luật. |
| 2. Thông tin có được từ việc xử lý thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này là thông tin mật phục vụ cho công tác phòng, chống rửa tiền. |  | - Khoản 2 Luật PCRT 2012: Nội dung khoản này đã được chỉnh sửa và đưa vào quy định tại khoản 1 Điều 42 và khoản 4 Điều 43 để đảm bảo rõ ràng và phù hợp với quy định tại khoản 25 Điều 3 Quyết định 2182/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, “Thông tin giao dịch đáng ngờ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về phòng, chống rửa tiền: phòng, chống tài trợ khủng bố về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.” mới là thông tin mật. |
|  | 3. Chính phủ hướng dẫn việc thu thập, xử lý và phân tích thông tin. | - Bổ sung khoản 3 nhằm giao hướng dẫn về việc thu thập, xử lý và phân tích thông tin. |
| **Điều 32. Chuyển giao, trao đổi thông tin**  1. Khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch được nêu trong thông tin, báo cáo liên quan đến rửa tiền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm chuyển giao thông tin hoặc hồ sơ vụ việc cho cơ quan điều tra có thẩm quyền. | **Điều 42. Trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền trong nước**  1. Khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch được nêu trong thông tin, báo cáo liên quan đến rửa tiền, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm chuyển giao thông tin hoặc hồ sơ vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền để phục vụ cho việc xác minh, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm.  Thông tin liên quan đến báo cáo giao dịch đáng ngờ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền là thông tin mật. | - Khoản 1: Bổ sung thời hạn chuyển giao thông tin là “10 ngày làm việc” khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch được nêu trong thông tin, báo cáo liên quan đến rửa tiền; sửa đổi quy định NHNN có trách nhiệm “chuyển giao thông tin hoặc hồ sơ vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền để phục vụ việc xác minh, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm”. Việc sửa đổi nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn chuyển giao, trao đổi thông tin PCRT của NHNN với các cơ quan có thẩm quyền trong nước. Đồng thời, quy định này cũng nhằm đáp ứng một phần yêu cầu tại khuyến nghị số 29 của FATF về “Đơn vị tình báo tài chính”.  Bổ sung quy định về các thông tin giao dịch đáng ngờ do Ngân hàng Nhà nước chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền là thông tin mật để đảm bảo nhất quán với quy định tại Điều 7 Luật bảo vệ bí mật nhà nước và yêu cầu thực tiễn công tác chuyển giao thông tin của NHNN. |
| 2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin với các cơ quan có thẩm quyền trong việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền. | 2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền với các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm. |  |
| 3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm trao đổi thông tin với các bộ, ngành liên quan nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền. | 3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin với các bộ, ngành liên quan nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền. |  |
|  | 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. | - Bổ sung khoản 4 về thẩm quyền quy định chi tiết của Chính phủ đối với các nội dung: cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch nêu trong thông tin, báo cáo liên quan đến rửa tiền; trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền khi tiếp nhận thông tin chuyển giao từ NHNN. |
| **Điều luật mới.** | **Điều 43. Trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài**  1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi yêu cầu tới cơ quan phòng, chống rửa tiền và cơ quan có thẩm quyền nước ngoài để thu thập, bổ sung thông tin phục vụ cho việc xử lý, phân tích và chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền; tiếp nhận thông tin phản hồi, thông tin chuyển giao của cơ quan phòng, chống rửa tiền và cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và xử lý thông tin nhận được theo quy định của Luật này.  2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp nhận yêu cầu đề nghị cung cấp thông tin từ cơ quan có thẩm quyền nước ngoài với mục đích phục vụ cho công tác phòng, chống rửa tiền và cung cấp thông tin phản hồi.  3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp, chuyển giao thông tin cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài theo quy định tại Điều 6 của Luật này.  4. Thông tin liên quan đến báo cáo giao dịch đáng ngờ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trao đổi, cung cấp, chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài là thông tin mật. | Việc bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền tại NHNN với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. Đồng thời, quy định này cũng nhằm đáp ứng yêu cầu tại khuyến nghị số 29 của FATF về “Đơn vị tình báo tài chính” – trong việc thực hiện các nhiệm vụ trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền với các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, góp phần hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền đang ngày càng có xu hướng gia tăng trên toàn thế giới. |
| **Mục 4. ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TẠM THỜI VÀ XỬ LÝ VI PHẠM** | **Mục 4. ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TẠM THỜI** |  |
| **Điều 33. Trì hoãn giao dịch**  1. Đối tượng báo cáo phải áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch khi các bên liên quan tới giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội và phải báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | **Điều 44.** **Trì hoãn giao dịch**  1. Đối tượng báo cáo phải áp dụng ngay biện pháp trì hoãn giao dịch trong các trường hợp sau:  a) Khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan tới giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội; | + Khoản 1, điểm a: bổ sung cụm từ “áp dụng ngay các biện pháp trì hoãn giao dịch” và “Khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ…” để đảm bảo tính kịp thời và phù hợp với yêu cầu của tiêu chí 6.5 a Khuyến nghị 6 - Xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến khủng bố và tài trợ khủng bố của FATF. Đồng thời, trên thực tế việc áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch khi có liên quan đến các đối tượng thuộc danh sách đen (cá nhân, tổ chức khủng bố hoặc liên quan tới khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt) hoặc tội phạm đều là những trường hợp cần phải có các biện pháp ngay lập tức để ngăn chặn trong đó có việc phong tỏa tài khoản (trì hoãn giao dịch là biện pháp phong tỏa tài khoản tạm thời). Do vậy, đối tượng báo cáo phải thực hiện ngay các biện pháp trì hoãn giao dịch. Tại dự thảo Luật cũng đã giao Chính phủ hướng dẫn, làm rõ quy định “khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ”. |
|  | b) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại các luật có liên quan. | + Điểm b: bổ sung quy định về việc thực hiện trì hoãn giao dịch theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại các luật có liên quan. |
|  | 2. Khi thực hiện biện pháp trì hoãn giao dịch, đối tượng báo cáo phải báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | - Khoản 2: làm rõ trách nhiệm báo cáo của đối tượng báo cáo khi thực hiện trì hoãn giao dịch, nội dung này đã được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 33 Luật PCRT năm 2012. |
| 2. Thời hạn áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu áp dụng. | 3. Thời hạn áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu áp dụng.  4. Đối tượng báo cáo không phải chịu trách nhiệm pháp lý về những hậu quả phát sinh khi áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch theo đúng quy định tại Điều này. | - Khoản 4: bổ sung quy định miễn trừ trách nhiệm của đối tượng báo cáo khi áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch theo quy định tại dự thảo Luật. Nội dung này đã được quy định tại Nghị định 116/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật PCRT 2012. |
| 3. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này. | 5. Chính phủ quy định chi tiết điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này. | - Bổ sung Khoản 5 giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết quy định tại điểm a khoản 1 và chi tiết về cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này do nội dung này mang tính kỹ thuật. |
| **Điều 34. Phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản**  Đối tượng báo cáo phải thực hiện phong tỏa tài khoản hoặc áp dụng biện pháp niêm phong hoặc tạm giữ tài sản của các cá nhân, tổ chức khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và báo cáo việc thực hiện cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | **Điều 45. Phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản**  Đối tượng báo cáo phải thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. | Quy trình thủ tục thực hiện phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản được thực hiện theo bộ luật tố tụng hình sự, bộ luật tố tụng dân sự để phục vụ cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm và thi hành án. Qua thực tiễn tiếp nhận thông tin này cho thấy không có nhiều ý nghĩa trong quá trình phân tích, xử lý và chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền của NHNN. Theo đó, bỏ quy định gửi báo cáo cho NHNN nhằm giảm tải khối lượng tài liệu lưu giữ và giảm trách nhiệm báo cáo cáo của đối tượng báo cáo. Đồng thời, chỉnh sửa để đảm bảo rõ ràng nội hàm quy định. |
| **Điều 35. Xử lý vi phạm**  Tổ chức vi phạm các quy định của Luật này thì bị xử phạt vi phạm hành chính.  Cá nhân vi phạm các quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.  Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. | **Điều 46. Xử lý vi phạm**  Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.  Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. | Chỉnh sửa quy định về việc áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cả tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật, phù hợp với nội dung sửa đổi tại Bộ luật hình sự 2015, trong đó có quy định xử lý trách nhiệm hình sự đối với cả tổ chức là pháp nhân thương mại |
| **Chương III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC  TRONG PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN** | **Chương III****. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN** |  |
| **Điều 36. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền**  1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.  2. Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, chiến lược về phòng, chống rửa tiền.  3. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan của Chính phủ phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác phòng, chống rửa tiền; phối hợp công tác phòng, chống rửa tiền và công tác phòng, chống tài trợ khủng bố. | **Điều 47. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền**  1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.  2. Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, chiến lược về phòng, chống rửa tiền.  3. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác phòng, chống rửa tiền; chỉ đạo việc phối hợp công tác phòng, chống rửa tiền và công tác phòng, chống tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. | - Khoản 3:  + Sửa đổi cụm từ “bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ” để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Chính phủ.  + Bổ sung cụm từ “tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt” để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật. |
| **Điều 37. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**  1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.  2. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch về phòng, chống rửa tiền. | **Điều 48. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**  1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.  2. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch về phòng, chống rửa tiền. | Việc sửa đổi các điều khoản tại Điều này nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền, cụ thể: |
| 3. Tổ chức đầu mối theo quy định của Chính phủ để thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin về hành vi rửa tiền cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, hồ sơ về các giao dịch và các thông tin khác theo quy định của Luật này nhằm phục vụ việc phân tích, chuyển giao thông tin về hành vi rửa tiền. | 3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. | - Khoản 3: bổ sung trách nhiệm NHNN trong phạm vi quản lý nhà nước, tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, thống nhất với nhiệm vụ các bộ, ngành, cơ quan tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền thuộc phạm vi quản lý. |
| 4. Thông báo kịp thời cho cơ quan phòng, chống khủng bố có thẩm quyền thông tin về hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố theo quy định của Luật này và pháp luật về phòng, chống khủng bố. | Bỏ khoản này | * Lý do bỏ khoản 4 Luật PCRT 2012: khoản 2 Điều 42 về Chuyển giao, trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền trong nước đã quy định NHNN “có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền với các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình xác minh, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm”. |
| 5. Thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối. | 4. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng. | * Khoản 4: sửa đổi, bổ sung để phù hợp với mục tiêu thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động PCRT trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, ngành, đối tượng báo cáo. ​ |
| 6. Hợp tác, trao đổi, cung cấp thông tin với các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra, giám sát, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án liên quan đến rửa tiền; trao đổi thông tin với cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác theo quy định của pháp luật. | 5. Hợp tác, trao đổi, cung cấp thông tin với các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra, giám sát, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án liên quan đến rửa tiền. | - Khoản 5: bỏ nội dung “trao đổi thông tin với cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác theo quy định của pháp luật” tại khoản 6 Điều 37 Luật PCRT năm 2012 do đã có quy định tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Luật. |
| 7. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền, làm đầu mối tham gia, triển khai thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam với tư cách thành viên các tổ chức quốc tế về phòng, chống rửa tiền. | 6. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền theo quy định tại Điều 6 của Luật này, làm đầu mối tham gia, triển khai thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam với tư cách thành viên các tổ chức quốc tế về phòng, chống rửa tiền. |  |
| 8. Đào tạo đội ngũ cán bộ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan khác của Chính phủ, nhân viên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và cá nhân, tổ chức khác về phòng, chống rửa tiền. |  | - Bỏ khoản 8 Điều 37 Luật PCRT 2012: do đã lồng ghép nội dung quy định tại khoản này vào Khoản 8 mới của dự thảo Luật. |
| 9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác phòng, chống rửa tiền. | 7. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác phòng, chống rửa tiền. |  |
| 10. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền. | 8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống rửa tiền, triển khai công tác đào tạo về phòng, chống rửa tiền. | * Khoản 8: bổ sung trách nhiệm của NHNN trong việc truyền thông về chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống rửa tiền do công tác truyền thông đóng vai trò quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống rửa tiền. Bổ sung nội dung “triển khai công tác đào tạo về phòng, chống rửa tiền”, nội dung này đã được quy định tại khoản 8 Luật PCRT 2012. |
| 11. Tổng hợp thông tin, định kỳ hàng năm báo cáo Chính phủ về phòng, chống rửa tiền trên lãnh thổ Việt Nam. | 9. Tổng hợp thông tin, định kỳ hằng năm báo cáo Chính phủ về phòng, chống rửa tiền trên lãnh thổ Việt Nam. |  |
|  | 10. Chủ trì thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này. | * Khoản 10: bổ sung trách nhiệm của NHNN trong việc đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia về rửa tiền để phù hợp với quy định tại Điều 7 của dự thảo Luật về Đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền. ​ |
|  | 11. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành liên quan đề xuất, chủ trì đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế về phòng, chống rửa tiền. | * Khoản 11: chuyển quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật PCRT 2012 thành khoản 12 Điều này để đảm bảo thống nhất với kết cấu của dự thảo Luật. |
|  | 12. Giám sát đối tượng báo cáo trong việc thực hiện báo cáo theo quy định tại các điều 25, 26 và 34 của Luật này; phối hợp cung cấp thông tin giám sát cho cơ quan thanh tra các bộ, ngành để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về phòng, chống rửa tiền. | * Khoản 12: bổ sung nhằm tạo cơ sở pháp lý cho công tác giám sát phòng, chống rửa tiền của NHNN. Việc giám sát phòng, chống rửa tiền giúp NHNN sớm nhận biết, nhận định được đối tượng báo cáo nào đang có nguy cơ rủi ro về rửa tiền để đưa ra các cảnh báo và phối hợp cung cấp thông tin cho cơ quan thanh tra các bộ, ngành để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về phòng, chống rửa tiền các đối tượng báo cáo tại Điều 4 dự thảo Luật. |
| **Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Công an**  1. Thu thập, tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm liên quan đến rửa tiền. | **Điều 49. Trách nhiệm của Bộ Công an**  1. Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền; thông báo kết quả xử lý có liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | - Khoản 1: bổ sung cụm từ “đấu tranh phòng, chống tội phạm” để đảm bảo đầy đủ và cụm từ “thông báo kết quả xử lý có liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” để làm rõ hơn trách nhiệm của Bộ Công an theo khuyến nghị của APG sau đánh giá đa phương và phù hợp với thực tiễn triển khai. |
| 2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan trong phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm về rửa tiền.  3. Thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu về phương thức, thủ đoạn hoạt động mới của tội phạm rửa tiền trong nước và nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  4. Chủ trì lập danh sách tổ chức, cá nhân thuộc danh sách đen quy định tại khoản 12 Điều 4 của Luật này.  5. Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền. | 2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan trong phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm về rửa tiền .  3. Thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu về phương thức, thủ đoạn hoạt động mới của tội phạm rửa tiền trong nước và nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  4. Chủ trì lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố thuộc danh sách đen.  5. Thực hiện hợp tác quốc tế; tương trợ tư pháp trong phòng, chống rửa tiền thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. | - Khoản 4: bổ sung cụm từ “liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố” để làm rõ nội hàm quy định.  - Khoản 5: bổ sung thêm quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật PCRT 2012 và quy định theo chức năng, nhiệm vụ được giao của Bộ Công an về tương trợ tư pháp trong phòng, chống rửa tiền. |
|  | 6. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với các loại tội phạm nguồn có rủi ro cao theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này. | * Khoản 6: bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF về Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và thực tiễn nhiệm vụ triển khai đánh giá rủi ro của Bộ Công an. |
| **Điều luật mới** | **Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng**  1. Trao đổi thông tin, tài liệu về hoạt động rửa tiền nhằm tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong nước và nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  2. Chủ trì lập danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định có liên quan đến phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thuộc danh sách đen.  3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này. | - Việc bổ sung Điều mới nhằm quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Quốc phòng theo khuyến nghị của APG sau đánh giá đa phương và phù hợp với thực tiễn triển khai.  - Khoản 3: đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF về Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và thực tiễn nhiệm vụ triển khai đánh giá rủi ro của Bộ Quốc phòng. |
| **Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán, trò chơi có thưởng, casino. | **Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chứng khoán, dịch vụ kế toán, trò chơi có thưởng trừ trò chơi trên mạng viễn thông, mạng internet và dịch vụ khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. | Việc sửa đổi, bổ sung nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Bộ Tài chính, cụ thể:   * Khoản 1: Sửa đổi, bổ sung tên gọi các hoạt động trong phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, phù hợp với đối tượng báo cáo thuộc quyền quản lý của Bộ Tài chính, phù hợp với tên gọi được sửa đổi tại Điều 4 dự thảo Luật. |
| 2. Thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán, trò chơi có thưởng, casino. | 2. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chứng khoán, dịch vụ kế toán, trò chơi có thưởng trừ trò chơi trên mạng viễn thông, mạng internet và dịch vụ khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. | * Khoản 2: sửa đổi, bổ sung phù hợp với mục tiêu thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, đối tượng báo cáo và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. |
| 3. Chỉ đạo cơ quan hải quan cung cấp thông tin thu thập được về việc vận chuyển tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới theo quy định tại Điều 24 của Luật này. |  | - Bỏ khoản 3 Luật PCRT 2012 do quy định tại Điều 35 dự thảo Luật đã bao gồm nội dung này. |
|  | 3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chứng khoán, dịch vụ kế toán, trò chơi có thưởng trừ trò chơi trên mạng viễn thông, mạng internet và dịch vụ khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này. | * Khoản 3: bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF về Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và thực tiễn nhiệm vụ triển khai đánh giá rủi ro của Bộ Tài chính. |
| **Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.  2. Thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực kinh doanh bất động sản. | **Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.  2. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản trừ việc cho thuê, cho thuê lại bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản.  3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản trừ việc cho thuê, cho thuê lại bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này. | - Khoản 1: Sửa đổi, bổ sung các lĩnh vực trong phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, phù hợp với đối tượng báo cáo thuộc quyền quản lý của Bộ Xây dựng quy định tại Điều 4 dự thảo Luật.  - Khoản 2: sửa đổi, bổ sung phù hợp với mục tiêu thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, đối tượng báo cáo và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.  - Khoản 3: bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF về Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và thực tiễn nhiệm vụ triển khai đánh giá rủi ro của Bộ Xây dựng. |
| **Điều 41. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền áp dụng cho đối tượng báo cáo là luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; công chứng viên, tổ chức cung ứng dịch vụ công chứng. | **Điều 53. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền áp dụng cho đối tượng báo cáo là luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng. | - Khoản 1: sửa đổi đảm bảo phù hợp với đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, phù hợp với đối tượng báo cáo thuộc quyền quản lý của Bộ Tư pháp quy định tại Điều 4 dự thảo Luật. |
| 2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền. | 2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền. |  |
|  | 3. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, bao gồm: luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng.  4. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực hành nghề luật sư; công chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này. | - Khoản 3: bổ sung phù hợp với mục tiêu thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, đối tượng báo cáo và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.  - Khoản 4: bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF về Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và thực tiễn nhiệm vụ triển khai đánh giá rủi ro của Bộ Công thương. |
|  | 5. Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ được giao về tương trợ tư pháp trong phòng, chống rửa tiền. | - Khoản 5: chuyển quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật PCRT 2012 thành Khoản 5 điều này và quy định theo chức năng, nhiệm vụ được giao của Bộ Tư pháp về tương trợ tư pháp trong phòng, chống rửa tiền. |
| **Điều luật mới.** | **Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Công thương**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền áp dụng cho đối tượng báo cáo là các tổ chức, cá nhân kinh doanh kim loại quý, đá quý trừ tổ chức, cá nhân kinh doanh vàng miếng và vàng, trang sức, mỹ nghệ.  2. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực kinh doanh kim loại quý, đá quý trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng, trang sức, mỹ nghệ.;  3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh kim loại quý, đá quý trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng, trang sức, mỹ nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này. | Bổ sung Điều mới nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Bộ Công thương trong triển khai các nhiệm vụ PCRT liên quan đến đối tượng báo cáo thuộc quyền quản lý. Nội dung này được luật hóa từ quy định tại Nghị định 116/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật PCRT 2012.  - Khoản 2: bổ sung phù hợp với mục tiêu thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, đối tượng báo cáo và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Công thương.  - Khoản 3: bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF về Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và thực tiễn nhiệm vụ triển khai đánh giá rủi ro của Bộ Công thương. |
| **Điều luật mới.** | **Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.  2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với pháp nhân được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này. | Bổ sung Điều mới nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong triển khai các nhiệm vụ PCRT liên quan đến những hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch Đầu tư. Nội dung này được luật hóa từ quy định tại Nghị định 116/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật PCRT 2012.  - Khoản 2: bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF về Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và thực tiễn nhiệm vụ triển khai đánh giá rủi ro của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. |
| **Điều luật mới.** | **Điều 56. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền đối với các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức tôn giáo.  2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này.  3. Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. | Bổ sung Điều mới nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Bộ Nội vụ trong triển khai các nhiệm vụ PCRT liên quan đến đối tượng báo cáo thuộc quyền quản lý của Bộ Nội vụ. Các quy định tại khoản 2, 3 phù hợp với quy định mới tại Điều 7 dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF về Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. |
| **Điều luật mới.** | **Điều 57. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.  2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này.  3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về phòng, chống rửa tiền. | Bổ sung Điều mới nhằm quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong triển khai các nhiệm vụ PCRT liên quan đến đối tượng báo cáo thuộc quyền quản lý của Bộ Ngoại giao.  - Khoản 2: bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF về Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và thực tiễn nhiệm vụ triển khai đánh giá rủi ro của Bộ Ngoại giao. |
| **Điều luật mới.** | **Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông**  1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong hoạt động kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng internet.  2. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng internet.  3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng internet theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này. | Bổ sung Điều mới nhằm phù hợp với quy định trách nhiệm của Bộ Thông tin và truyền thông trong triển khai các nhiệm vụ PCRT liên quan đến đối tượng báo cáo thuộc quyền quản lý.  - Khoản 2: bổ sung phù hợp với mục tiêu thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, đối tượng báo cáo và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông.  - Khoản 3: bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF về Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và thực tiễn nhiệm vụ triển khai đánh giá rủi ro của Bộ Thông tin và Truyền thông. |
|  | 4. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc tuyên truyền, phổ biến, truyền thông về chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống rửa tiền. | - Khoản 4: bổ sung trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến, truyền thông về chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống rửa tiền do công tác truyền thông đóng vai trò quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống rửa tiền. |
| **Điều 42. Trách nhiệm của các cơ quan khác của Chính phủ**  1. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.  2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý của mình thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền. | **Điều 59. Trách nhiệm của các bộ, ngành khác**  1. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.  2. Chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra các đối tượng báo cáo thuộc phạm vi quản lý của mình thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền. |  |
|  | 3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan định kỳ thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại Điều 7 của Luật này. | - Khoản 3: bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF về Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và thực tiễn nhiệm vụ triển khai đánh giá rủi ro của các bộ ngành khác. |
| **Điều 43. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân**  Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi rửa tiền; phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan trong đấu tranh phòng, chống rửa tiền. | **Điều 60. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân**  1. Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi rửa tiền; phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan trong đấu tranh phòng, chống rửa tiền. |  |
|  | 2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan trong việc thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại Điều 7 của Luật này. | - Khoản 2: bổ sung đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Luật nhằm đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF về Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và thực tiễn nhiệm vụ triển khai đánh giá rủi ro của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân. |
|  | 3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp trong phòng, chống rửa tiền. | - Khoản 3: chuyển quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật PCRT 2012 thành Khoản 3 điều này và quy định theo chức năng, nhiệm vụ được giao của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao về tương trợ tư pháp trong phòng, chống rửa tiền. |
| **Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**  1. Thực hiện, chỉ đạo việc phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền tại địa phương.  2. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai và đôn đốc thực hiện các đường lối, chính sách, chiến lược, kế hoạch phòng, chống rửa tiền.  3. Phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền. | **Điều 61. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**  1. Thực hiện, chỉ đạo việc phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền tại địa phương.  2. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai và đôn đốc thực hiện các đường lối, chính sách, chiến lược, kế hoạch phòng, chống rửa tiền, thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền.  3. Phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền. | - Khoản 2: bổ sung cụm từ “thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền”, theo đó bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền. Nội dung này phù hợp với quy định mới tại Điều 7 của dự thảo Luật và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các cấp đã được Chính phủ giao. |
| **Điều 45. Bảo mật thông tin**  Các cơ quan nhà nước được quy định tại các điều từ Điều 36 đến Điều 44 của Luật này có trách nhiệm thực hiện chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật. | **Điều 62. Trách nhiệm bảo mật thông tin**  1. Các cơ quan nhà nước được quy định tại Chương III của Luật này có trách nhiệm thực hiện chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật. | - Khoản 1: Sửa nội dung tham chiếu. |
|  | 2. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 6 của Luật này cho các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác phải đảm bảo các thông tin cung cấp được bảo mật và sử dụng đúng mục đích đã nêu tại yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin. | - Khoản 2: bổ sung quy định bảo mật thông tin trong hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền nhằm đáp ứng yêu cầu tiêu chí 40.6, Khuyến nghị số 40 của FATF về Các hình thức hợp tác quốc tế khác. |
| **Chương IV.** **HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN** | Bỏ Chương IV | Các nội dung tại Chương IV Luật PCRT 2012 đã được kết cấu lại và đưa vào nội dung quy định tại các Điều 6, 48, 49, 52, 59. |
| **Điều 46. Nguyên tắc chung về hợp tác quốc tế**  1. Hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, các bên cùng có lợi, tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  2. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi trong việc trao đổi thông tin và tương trợ tư pháp về phòng, chống rửa tiền. | Bỏ điều này | Khoản 1 Điều 46 đã được đưa vào quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Luật. |
| **Điều 47. Nội dung hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền**  1. Trao đổi thông tin, tài liệu về phòng, chống rửa tiền.  2. Xác định, phong tỏa tài sản của người phạm tội rửa tiền.  3. Thực hiện tương trợ tư pháp và hợp tác trong dẫn độ tội phạm rửa tiền.  4. Các nội dung hợp tác khác về phòng, chống rửa tiền.  5. Quy trình, thủ tục, phương thức hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này được thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | Bỏ điều này | Nội dung quy định tại Điều 47 Luật PCRT 2012 đã được chỉnh sửa, quy định tại Điều 6 về Hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền của dự thảo Luật. |
| **Điều 48. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền**  1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành liên quan đề xuất, chủ trì đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế về phòng, chống rửa tiền; hợp tác quốc tế trong việc nghiên cứu, đào tạo, hỗ trợ thông tin, hỗ trợ kỹ thuật, trợ giúp tài chính và trao đổi kinh nghiệm về phòng, chống rửa tiền.  2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền với cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác theo quy định của pháp luật; có quyền từ chối cung cấp thông tin cho cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác trong trường hợp cần thiết và theo quy định của pháp luật Việt Nam.  3. Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp trong phòng, chống rửa tiền.  4. Khi có yêu cầu về hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm kịp thời thông báo bằng văn bản về nội dung, thời gian, các bên liên quan và các chương trình hợp tác quốc tế khác cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc cho Bộ Tư pháp nếu nội dung liên quan đến tương trợ tư pháp để phối hợp thực hiện. | Bỏ điều này | * Khoản 1 Điều 48 Luật PCRT 2012 đã đưa vào quy định tại khoản 11 Điều 48 về Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại dự thảo Luật. * Khoản 2 Điều 48 Luật PCRT 2012 đã được đưa vào quy định tại Điều 6 về Hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền tại dự thảo Luật. * Khoản 3 Điều 48 Luật PCRT 2012 đã đưa vào quy định tại Điều 49 về Trách nhiệm của Bộ Công an, Điều 53 về Trách nhiệm của Bộ Tư pháp và Điều 60 về Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tại dự thảo Luật. * Khoản 4 Điều 48 Luật PCRT 2012 đã được chỉnh sửa và quy định tại khoản 5 Điều 6 về Hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền tại dự thảo Luật. |
| **Chương IV.** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** | **Chương IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |
| **Điều luật mới** | **Điều 63. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến phòng, chống rửa tiền**  1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 như sau:  “1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giám sát ngân hàng.”. | - Khoản 1: Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 Luật Ngân hàng Nhà nước, trong đó bỏ cụm từ “phòng, chống rửa tiền”. Việc sửa đổi, bổ sung nhằm tạo cơ sở để triển khai, thực hiện các yêu cầu tại khuyến nghị của FATF và đánh giá của APG cũng như để đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống rửa tiền trong giai đoạn hiện nay, cụ thể:  Theo quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật PCRT đều giao Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền. Tại Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng đang được giao thực hiện nhiệm vụ này và Cục PCRT là đơn vị thuộc Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về phòng, chống rửa tiền.  Tại khuyến nghị 29 của FATF yêu cầu mỗi quốc gia cần phải thành lập đơn vị tình báo tài chính (FIU), trong đó đơn vị tình báo tài chính cần phải được trao đầy đủ thẩm quyền để thu thập các thông tin từ các tổ chức báo cáo, truy cập một cách kịp thời các thông tin tài chính và thực thi pháp luật để thực hiện tốt 3 chức năng chính là (i) tiếp nhận, (ii) phân tích, và (iii) chuyển giao thông tin liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố một cách độc lập.  Tại Báo cáo đánh giá đa phương của APG năm 2022, APG đã chỉ ra việc Cục trưởng Cục Phòng, chống rửa tiền chịu trách nhiệm trước Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mọi hoạt động của Cục phòng, chống rửa tiền là chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu để Cục phòng, chống rửa tiền thực hiện chức năng của mình một cách độc lập và tự chủ; việc Cục phòng, chống rửa tiền nằm trong Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có thể dẫn đến một số quan ngại về tính độc lập trong hoạt động của đơn vị tình báo tài chính, vốn được coi trọng đặc biệt. Trên cơ sở đó, APG kiến nghị Việt Nam cần có các biện pháp để tăng cường năng lực, thẩm quyền và tính độc lập cho Cục phòng, chống rửa tiền để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống rửa tiền.  Với mô hình tổ chức, vị trí, chức năng của Cục phòng, chống rửa tiền hiện nay là một trong lý do chính mà Việt Nam chưa gia nhập được Nhóm Các đơn vị tình báo tài chính Egmont (Nhóm Egmont) mặc dù đã có đơn gia nhập và đã được công nhận là quan sát viên của Nhóm Egmont từ năm 2010.  Việc sửa đổi khoản 1 Điều 49 Luật NHNN nêu trên là cơ sở để NHNN căn cứ quy định pháp luật xây dựng Đề án, trình Chính phủ, các cấp có thẩm quyền quy định đơn vị thuộc NHNN thực hiện chức năng phòng, chống rửa tiền. |
|  | 2. Sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13 như sau:  a) Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:  “**Điều 34. Thực hiện các biện pháp phòng, chống tài trợ khủng bố và áp dụng biện pháp tạm thời; đánh giá rủi ro quốc gia về phòng, chống tài trợ khủng bố**  1. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng và cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng; báo cáo, cung cấp, lưu giữ thông tin, xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống tài trợ khủng bố thực hiện theo quy định từ Điều 9 đến Điều 40 của Luật Phòng, chống rửa tiền.  2. Ngay khi có nghi ngờ khách hàng hoặc giao dịch của khách hàng liên quan đến tài trợ khủng bố hoặc khách hàng nằm trong Danh sách đen thì tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính báo cáo cho lực lượng chống khủng bố của Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phải áp dụng các biện pháp tạm thời theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.  3. Định kỳ 05 năm, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ khủng bố tại Việt Nam và trình Chính phủ phê duyệt kết quả đánh giá, kế hoạch thực hiện sau đánh giá”.  b) Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:  “**Điều 35. Kiểm soát vận chuyển tiền mặt, kim khí quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới**  Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện việc kiểm soát vận chuyển tiền mặt, kim khí quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới Việt Nam theo quy định tại Điều 24 của Luật này và Điều 35 của Luật Phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi lợi dụng các hoạt động này để tài trợ khủng bố.”. | - Khoản 2, 3: Dự thảo Luật bổ sung quy định sửa đổi, bổ sung Điều 34, 35 Luật Phòng, chống khủng bố và pháp luật về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo hướng tương đồng với các quy định mới được sửa đổi tại dự thảo Luật PCRT. Việc sửa đổi, bổ sung này căn cứ trên các khuyến nghị của FATF và đánh giá của APG tại báo cáo đánh giá đa phương, theo đó một số yêu cầu sửa đổi, bổ sung pháp luật về phòng, chống rửa tiền cũng được khuyến nghị đồng thời với sửa đổi, bổ sung pháp luật về phòng, chống khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Với thời hạn phải báo cáo kết quả thực hiện đánh giá của APG vào tháng 3/2023, trong khi việc sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống khủng bố, pháp luật về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt vẫn đang trong quá trình nghiên cứu, rà soát, việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Phòng, chống khủng bố, pháp luật về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại dự thảo Luật này là cần thiết. |
|  | 3. Các tổ chức tài chính, tổ chức và cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng và cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng, báo cáo, cung cấp, lưu giữ thông tin, xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thực hiện theo quy định từ Điều 9 đến Điều 40 của Luật này. |  |
| **Điều 49. Hiệu lực thi hành**  Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. | **Điều 64. Hiệu lực thi hành**  1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 20232.  2. Luật Phòng, chống rửa tiền số 07/2012/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành./. | Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật ban hành văn bản pháp luật. |
| **Điều luật mới** | **Điều 65. Quy định chuyển tiếp**  Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa có quyết định khác, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền theo quy định của Luật này và các Luật khác có liên quan. | Bổ sung điều khoản chuyển tiếp nhằm đảm bảo không tạo khoảng trống pháp lý trong công tác phòng, chống rửa tiền sau khi Luật có hiệu lực thi hành nhưng chưa kịp hoàn thành việc phân công chức năng đơn vị đầu mối về phòng, chống rửa tiền. |
| **Điều 50. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành**  Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.  Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012. | Bỏ điều này. | Các nội dung giao Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn đã được quy định cụ thể tại từng điều khoản. |

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**